

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1577/LĐTĐBXH-TCGDNN  
V/v pháp điển quy phạm pháp luật mới ban  
hành thuộc Đề mục Giáo dục nghề nghiệp

*Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật: “Trong trường hợp có quy phạm pháp luật mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc có quy phạm pháp luật bị bãi bỏ thuộc đề mục đã có trong chủ đề thì cơ quan thực hiện pháp điển xác định quy phạm pháp luật tương ứng trong Bộ pháp điển, thực hiện pháp điển quy phạm pháp luật mới và gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp”, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành pháp điển Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH<sup>1</sup> và Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH<sup>2</sup> vào Đề mục Giáo dục nghề nghiệp (kết quả pháp điển gửi kèm theo).

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị quý Bộ tổng hợp và thực hiện cập nhật vào Đề mục Giáo dục nghề nghiệp.

Trân trọng cảm ơn./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế (để theo dõi);
- Lưu: VT, TCGDNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Tấn Dũng**

<sup>1</sup> Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

<sup>2</sup> Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH ngày 05/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

**KẾT QUẢ CẬP NHẬT QUY PHẠM PHÁP LUẬT  
ĐỀ MỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

*(Kèm theo Công văn số: 1577/LĐTĐBXH-TCGDNN ngày 17/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

**I. DANH SÁCH VĂN BẢN QPPL ĐƯỢC CẬP NHẬT**

**1. Văn bản QPPL mới ban hành được cập nhật**

<b>TT</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Ký hiệu văn bản trong đề mục</b>
1	Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ	TT.83
2	Thông tư 05/2022/TT-BLĐTBXH Quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp	TT.84

**2. Văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ**

<b>TT</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Ký hiệu văn bản trong đề mục</b>
1	Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp	
2	Thông tư 29/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo	

## II. KẾT QUẢ CẬP NHẬT QPPL

### 1. QPPL được bổ sung mới

TT	Vị trí điều được bổ sung mới	Nội dung được bổ sung mới
1	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	<p><b>Điều 20.1.TT.83.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b>  <i>(Điều 1 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ ngày 30/03/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>1. Thông tư này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. 2. Thông tư này áp dụng cho các trường trung cấp, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi chung là trường). 3. Thông tư này không áp dụng đối với việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng sư phạm.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.84.8. Nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết đào tạo)</i></p>
2	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	<p><b>Điều 20.1.TT.84.1. Phạm vi điều chỉnh</b>  <i>(Điều 1 Thông tư số 05/2022/TT-BLĐT BXH Quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp ngày 05/04/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/05/2022)</i></p> <p>Thông tư này quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (sau đây gọi là liên kết đào tạo) bao gồm: Đối tượng, hình thức liên kết đào tạo, tổ chức liên kết thực hiện chương trình đào tạo, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết đào tạo.</p>
3	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	<p><b>Điều 20.1.TT.84.2. Đối tượng áp dụng</b>  <i>(Điều 2 Thông tư số 05/2022/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/05/2022)</i></p> <p>1. Thông tư này áp dụng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu liên kết đào tạo. 2. Thông tư này không áp dụng với đối tượng liên kết đào tạo nước ngoài.</p>
4	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	<p><b>Điều 20.1.TT.83.2. Giải thích từ ngữ</b>  <i>(Điều 2 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Đào tạo theo niên chế là phương thức tổ chức đào tạo theo năm học với lớp học tương đối cố định trong toàn khóa học, cho phép học sinh, sinh viên (sau đây gọi chung là người học) cùng lớp thực hiện theo một kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu chung, thống nhất. 2. Đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng nội dung học tập được thiết kế thành những mô-đun, môn học, người học được chủ động lựa chọn mô-đun, môn học theo quy định của nhà trường để tích lũy cho tới khi hoàn thành khối lượng mô-đun, tín chỉ quy định trong chương trình. 3. Đào tạo trực tuyến là hình thức dạy học cho</p>

		phép thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trên môi trường Internet để thay thế việc dạy học trực tiếp tại các địa điểm đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
5	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	<p><b>Điều 20.1.TT.84.3. Giải thích từ ngữ</b>  <i>(Điều 3 Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/05/2022)</i></p> <p>Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Liên kết đào tạo là sự hợp tác giữa đơn vị chủ trì liên kết đào tạo với đơn vị phối hợp liên kết đào tạo để tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp và chứng chỉ sơ cấp nhưng không hình thành pháp nhân mới. 2. Liên kết đào tạo trong nước là hình thức hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước với nhau hoặc giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu liên kết đào tạo. 3. Đơn vị chủ trì liên kết đào tạo là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức liên kết đào tạo. 4. Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu liên kết đào tạo, tham gia hoạt động đào tạo với vai trò phối hợp với đơn vị chủ trì liên kết đào tạo trong quản lý đào tạo, tham gia giảng dạy lý thuyết, thực hành và đảm bảo các điều kiện thực hiện liên kết đào tạo hoặc chỉ đảm bảo các điều kiện thực hiện liên kết đào tạo.</p>
6	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.3. Chương trình và thời gian đào tạo</b>  <i>(Điều 3 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>1. Chương trình đào tạo a) Chương trình đào tạo thể hiện mục tiêu đào tạo, khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt sau khi tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập. Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. b) Chương trình đào tạo phải được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học. Những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học. 2. Thời gian đào tạo là thời gian để người học hoàn thành một chương trình đào tạo cụ thể và đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp tương ứng với chương trình đào tạo đó, cụ thể: a) Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên từ một đến hai năm học tùy theo ngành, nghề đào tạo; b) Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là thời gian tích lũy đủ số lượng mô-đun, tín chỉ quy định cho từng chương trình; c) Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế được thực hiện từ hai đến ba năm học tùy theo ngành, nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định; d) Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-</p>

		<p>đun hoặc tín chỉ là thời gian người học tích lũy đủ số lượng mô-đun, tín chỉ của từng chương trình. 3. Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình a) Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình bao gồm thời gian học các môn học, mô-đun và thời gian thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp do hiệu trưởng quyết định, bảo đảm không vượt quá 1,5 lần thời gian đào tạo đối với chương trình từ hai đến ba năm học, không vượt quá 02 lần thời gian đào tạo đối với chương trình từ một đến dưới hai năm học, không bao gồm thời gian bảo lưu quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này; b) Thời gian tối đa đối với người học cùng lúc hai chương trình bằng thời gian tối đa để hoàn thành chương trình có thời gian đào tạo dài hơn và được tính từ khi bắt đầu học chương trình thứ nhất; c) Hiệu trưởng có thể xem xét, quyết định kéo dài thời gian đào tạo tối đa đối với các trường hợp người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật; d) Thời gian tối đa đối với chương trình đào tạo các ngành, nghề thuộc lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao có tính chất đặc thù do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thống nhất quy định. 4. Thời gian tổ chức giảng dạy, học tập tùy thuộc vào điều kiện và hoàn cảnh thực tế được quy định cụ thể trong quy chế đào tạo của trường, do hiệu trưởng quyết định, đảm bảo các yêu cầu sau: a) Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện; b) Thời gian giảng dạy, học tập bằng hình thức trực tuyến được thực hiện linh hoạt tùy theo điều kiện và hoàn cảnh thực tế của từng trường, do hiệu trưởng quyết định; c) Thời gian giảng dạy, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp được thực hiện theo thỏa thuận giữa nhà trường và doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo quy định của pháp luật về thời gian làm việc. 5. Thời gian học khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc chương trình giáo dục trung học phổ thông theo hình thức giáo dục thường xuyên không tính vào thời gian đào tạo nghề theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.7.1. Phạm vi điều chỉnh; Điều 20.1.TT.83.7. Chuyển ngành, nghề đào tạo; Điều 20.1.TT.83.8. Học cùng lúc hai chương trình; Điều 20.1.TT.83.9. Tạm dừng chương trình và bảo lưu kết quả học tập; Điều 20.1.TT.83.22. Điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học, tự thôi học; Điều 20.1.TT.83.33. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học, tự thôi học)</i></p>
7	<p>Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo</p>	<p><b>Điều 20.1.TT.83.4. Địa điểm đào tạo</b> <i>(Điều 4 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>1. Địa điểm đào tạo được thực hiện tại trường, phân hiệu của trường, các địa điểm liên kết đào tạo theo quy định tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tổ chức cho người học học tập, thực hành và thực tập tại doanh nghiệp trong và ngoài nước thông qua hợp đồng với doanh nghiệp theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Luật Giáo dục nghề nghiệp. 2. Việc đào tạo trực tuyến được thực hiện linh hoạt về địa điểm do hiệu trưởng các trường căn cứ vào điều kiện thực tế quyết định nhưng phải đáp ứng các điều kiện cho việc đào tạo để bảo đảm chất lượng theo quy định.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.LQ.23. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tự thực)</i></p>

8	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.5. Kế hoạch đào tạo</b> (Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Căn cứ vào khối lượng học tập của chương trình đào tạo, hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch phân bổ số môn học, mô-đun cho từng học kỳ, năm học. 2. Trước khi bắt đầu khóa học, trường phải công bố công khai kế hoạch đào tạo đối với khóa học đó. Kế hoạch đào tạo cho từng khóa học, năm học phải thể hiện: Thời gian, hoạt động của chương trình đào tạo; thời điểm bắt đầu và kết thúc mỗi học kỳ, năm học, khóa học; thời gian, thời lượng đào tạo các môn học, mô-đun trong chương trình; thời gian học lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch tổ chức các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có); thời gian thi hết môn học, mô-đun, thi tốt nghiệp; thời gian nghỉ hè, lễ tết, khai giảng, bế giảng; thời gian học tập ngoại khóa và các nội dung khác. 3. Trường hợp đào tạo trực tuyến thì kế hoạch đào tạo phải quy định cụ thể các nội dung, môn học, mô-đun đào tạo bằng hình thức trực tuyến.</p>
9	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.6. Đăng ký nhập học</b> (Điều 6 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Khi đăng ký nhập học người học phải nộp các giấy tờ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Thông tư số 05/2021/TT-BLĐT BXH ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Giấy tờ khi người học nhập học phải được quản lý tại đơn vị thuộc trường hoặc được số hóa để quản lý bằng các phần mềm quản lý đào tạo nếu có. 2. Người học được tổ chức thành các lớp học theo các chương trình đào tạo và ngành nghề đào tạo cụ thể, phù hợp với từng hình thức tổ chức đào tạo do hiệu trưởng quyết định. 3. Người học được cấp thẻ học sinh, sinh viên để thuận tiện cho quản lý, theo dõi trong quá trình đào tạo. Khuyến khích các trường sử dụng thẻ học sinh, sinh viên điện tử để vừa thực hiện công tác quản lý đào tạo (thi, tra cứu kết quả học tập; học trực tuyến; sử dụng tại các thư viện điện tử, phòng máy tính, phòng thí nghiệm), vừa làm phương tiện thực hiện các giao dịch về tài chính (đóng học phí, nhận kinh phí, các giao dịch thương mại điện tử...) cũng như các giao dịch xã hội khác khi được chấp nhận. 4. Trường phải cung cấp đầy đủ thông tin cho người học về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của người học. (Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.77.11. Triệu tập thí sinh trúng tuyển)</p>
9	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.7. Chuyển ngành, nghề đào tạo</b> (Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Người học được chuyển ngành, nghề đào tạo đang học sang học một ngành, nghề đào tạo khác của trường. 2. Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định cho phép người học chuyển ngành, nghề đào tạo khi: a) Người học có đơn đề nghị chuyển đổi ngành, nghề đào tạo; b) Ngành, nghề đào tạo dự kiến sẽ chuyển sang học phải có cùng hình thức tuyển sinh và các tiêu chí tuyển sinh bằng hoặc thấp hơn so với tiêu chí tuyển sinh của ngành, nghề đào tạo đang học; c) Việc chuyển đổi ngành, nghề đào tạo phải được thực hiện ngay trong học kỳ đầu tiên của chương trình; d) Không trong thời gian tạm dừng chương trình đang học, điều chỉnh tiến độ học, bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 3. Thời gian học tối đa để người học chuyển ngành, nghề đào tạo hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư này và được tính từ khi bắt đầu nhập học ngành, nghề trước khi chuyển.</p>

		<i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.3. Chương trình và thời gian đào tạo)</i>
10	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.8. Học cùng lúc hai chương trình</b> <i>(Điều 8 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>1. Điều kiện học cùng lúc hai chương trình a) Người học có đơn đề nghị học cùng lúc hai chương trình; b) Đã học xong học kỳ thứ nhất đối với chương trình có thời gian thực hiện từ một đến hai năm học, đã học xong học kỳ thứ hai đối với chương trình có thời gian thực hiện trên hai năm học. Kết quả học tập của từng học kỳ đã hoàn thành ở chương trình thứ nhất phải đạt loại khá trở lên; c) Không trong thời gian tạm dừng chương trình đang học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 2. Người học thuộc diện phải điều chỉnh tiến độ học hoặc bị buộc thôi học ở chương trình thứ nhất thì bị buộc thôi học chương trình thứ hai. 3. Thời gian để người học hoàn thành hai chương trình được quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư này. <i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.3. Chương trình và thời gian đào tạo)</i></p>
11	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.9. Tạm dừng chương trình và bảo lưu kết quả học tập</b> <i>(Điều 9 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>1. Bảo lưu kết quả học tập là việc nhà trường giữ nguyên kết quả người học đã học và thi đạt yêu cầu đối với các môn học, mô-đun trong một khoảng thời gian nhất định khi người học được tạm dừng chương trình đào tạo. Kết quả học tập các môn học, mô-đun bảo lưu được tính khi xếp loại kết quả học tập và đánh giá xếp loại tốt nghiệp. 2. Người học được tạm dừng chương trình đang học và được bảo lưu kết quả học tập nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia phòng chống thiên tai, dịch bệnh; tham gia các kỳ thi, giải thi đấu quốc tế; b) Vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi khám, điều trị hoặc có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật; c) Chuyển nơi học từ trường này sang trường khác cùng ngành nghề đào tạo mà thời gian học ở trường khác có sự khác nhau về tiến độ; d) Tham gia chương trình, dự án đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng hoặc do điều kiện, hoàn cảnh gia đình buộc phải dừng học tập; đ) Trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn; e) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức buộc thôi học. 3. Thời gian được bảo lưu kết quả học tập không quá 5 năm tính từ khi dừng chương trình học tập và không tính vào thời gian tối đa hoàn thành khóa học. Người học có nhu cầu được bảo lưu kết quả học tập phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định. 4. Người học được tạm hoãn học môn học, mô-đun theo kế hoạch đào tạo của trường và phải hoàn thành môn học, mô-đun đó trong quỹ thời gian tối đa hoàn thành chương trình nếu thuộc một hoặc các trường hợp sau: a) Vì lý do sức khỏe không bảo đảm để học môn học, mô-đun đó và có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi khám hoặc điều trị; b) Có lý do khác không thể tham gia học môn học, mô-đun đó, kèm theo minh chứng cụ thể và phải được hiệu trưởng chấp thuận; 5. Thời gian nghỉ học tạm thời được tính vào thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư này. <i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.3. Chương trình và thời gian đào tạo)</i></p>

12	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.10. Công nhận và miễn trừ nội dung học tập</b> (Điều 10 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Công nhận kết quả học tập a) Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một chương trình đào tạo khác, trình độ đào tạo khác hoặc từ một trường khác trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp được xem xét công nhận trong chương trình đào tạo đang theo học không phân biệt hình thức đào tạo trực tiếp hay trực tuyến, cụ thể: Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học, mô-đun trong trường hợp đã học, đã thi kết thúc môn học, mô-đun đó trong chương trình khác và có nội dung, thời lượng phù hợp với môn học, mô-đun trong chương trình đang học; được miễn học một phần nội dung học tập trong môn học, mô-đun và phải tham gia thi kết thúc môn học, mô-đun trong trường hợp đã học nội dung đó trong chương trình khác nhưng chưa dự thi kết thúc môn học, mô-đun hoặc thời lượng và nội dung môn học, môn đùn trước đây chưa phù hợp với thời lượng và nội dung của môn học trong chương trình đào tạo hiện hành. Việc xác định nội dung và thời lượng được miễn học do hiệu trưởng quyết định; b) Hiệu trưởng xem xét công nhận những nội dung kiến thức, kỹ năng người học đã có trên cơ sở so sánh, đối chiếu với những nội dung của chương trình đào tạo hiện hành; c) Việc công nhận kết quả, nội dung học được thực hiện theo từng môn học, mô-đun hoặc cả chương trình đào tạo; d) Các trường công khai quy định việc công nhận kết quả và nội dung học tập trong chương trình đào tạo. 2. Người học được miễn trừ nội dung học tập không phân biệt hình thức đào tạo trực tiếp hay trực tuyến khi thuộc một trong những trường hợp sau: a) Được miễn, giảm học môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; b) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Giáo dục Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp đã tốt nghiệp từ trình độ tương đương trở lên hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình trung cấp lý luận chính trị hoặc tương đương trở lên; c) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn Ngoại ngữ thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp đã tốt nghiệp từ trình độ tương đương trở lên hoặc đã có trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ được quy định tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp trình độ từ trung cấp ngoại ngữ trở lên; d) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp đã tốt nghiệp từ trình độ tương đương trở lên hoặc có kết quả kiểm tra đầu vào đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên nhóm ngành, nghề công nghệ thông tin; đ) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp là thương bệnh binh, có thương tật hoặc bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động; trong thời gian học tại trường đạt giải nhất, nhì, ba hoặc đạt huy chương trong các đợt thi đấu thể thao cấp ngành hoặc từ cấp tỉnh trở lên; e) Có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật được hiệu trưởng xem xét, quyết định cho miễn, giảm một số môn học, mô-đun hoặc miễn, giảm một số nội dung mà khả năng cá nhân không thể đáp ứng được.</p>
----	---	--



13	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.11. Chuyển trường</b> (Điều 11 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Người học chuyển trường theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì việc chuyển trường được thực hiện theo quyết định của cơ quan ra quyết định. Việc ra quyết định chuyển trường phải có sự đồng ý bằng văn bản của người học. 2. Người học chuyển trường theo nhu cầu cá nhân thì việc chuyển trường được thực hiện theo quy định của trường nơi chuyển đi và trường nơi chuyển đến. Hiệu trưởng chỉ xét tiếp nhận hoặc cho người học chuyển trường khi đáp ứng các yêu cầu sau: a) Có đơn đề nghị chuyển trường; b) Không trong thời gian điều chỉnh tiến độ học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Không chuyển trường khi đang học học kỳ cuối cùng của khóa học; d) Khi chuyển sang trường nơi chuyển đến phải học đúng ngành, nghề đang học tại trường nơi chuyển đi. 3. Hiệu trưởng trường có người học xin chuyển đến quyết định việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, người học ở trường nơi chuyển đến. 4. Thời gian tối đa cho người học chuyển trường hoàn thành chương trình được tính từ thời điểm nhập học ở trường nơi chuyển đi.</p>
14	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.12. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô-đun</b> (Điều 12 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ a) Kiểm tra thường xuyên do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, mô-đun bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút; kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác. b) Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học, mô-đun; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác. c) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ bằng hình thức trực tuyến do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun quyết định. Việc kiểm tra bằng hình thức trực tuyến đối với các nội dung thực hành chỉ áp dụng khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phải bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học; d) Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho mỗi môn học, mô-đun cụ thể được thực hiện theo quy định của hiệu trưởng, bảo đảm trong một môn học, mô-đun có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. 2. Thi kết thúc môn học, mô-đun a) Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện tại trường, phân hiệu, địa điểm đào tạo của trường; đơn vị liên kết đào tạo hoặc tại doanh nghiệp; được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến khi đáp ứng được các điều kiện cho việc tổ chức thi; b) Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện một hoặc nhiều lần sau khi học xong môn học, mô-đun hoặc cuối mỗi học kỳ; c) Lịch thi kết thúc môn học, mô-đun phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 02 tuần. Từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một người học; d) Danh sách người học đủ hoặc không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do; danh sách địa điểm thi phải được công bố công khai trước ngày thi ít nhất 03 ngày làm việc; đ) Người học tham gia kỳ thi phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi; e) Hình thức thi kết thúc môn học, mô-đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên; g) Thời gian làm bài thi đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian thi đối với các hình thức thi khác</p>

		<p>hoặc thời gian thi với các môn học, mô-đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo hoặc thời gian thi trực tuyến do hiệu trưởng quyết định; h) Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi bố trí ít nhất hai cán bộ coi thi và không bố trí quá 50 người dự thi; người dự thi phải được bố trí theo số báo danh. Đối với hình thức thi khác, hiệu trưởng quyết định việc bố trí phòng thi và các nội dung liên quan khác; i) Thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin. Hiệu trưởng quy định cụ thể về hình thức và quy trình tổ chức thi nhằm bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học và chống được gian lận trong quá trình thi. Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư này.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.19. Quản lý hồ sơ, sổ sách đào tạo)</i></p>
15	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.13. Điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô-đun</b> <i>(Điều 13 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>1. Điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô-đun a) Người học được dự thi kết thúc môn học, mô-đun phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình môn học, mô-đun; b) Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; c) Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thi được hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi nhưng phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ. 2. Số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun a) Sau khi học xong môn học, mô-đun, người học đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này được dự thi kết thúc môn học, mô-đun. Nếu người học chưa dự thi kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất vì lý do chính đáng thì được bố trí tham dự ở lần thi tiếp theo. Người có điểm thi lần thứ nhất thuộc loại chưa đạt được thi lại; số lần thi lại do hiệu trưởng quy định; b) Người học có điểm thi đạt yêu cầu ở lần thứ nhất nhưng muốn có điểm cao hơn thì được đăng ký thi thêm 01 lần ở lần thi tiếp theo để cải thiện điểm số nhưng không được bảo lưu điểm thi trước đó. Điểm thi lần sau không được tính để xét học bổng; c) Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần thi và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó và phải tham gia kỳ thi lại, số lần thi lại do hiệu trưởng quy định.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.14. Học lại và thi lại)</i></p>
16	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.14. Học lại và thi lại</b> <i>(Điều 14 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>1. Người học phải học lại và thi lại môn học, mô-đun nếu thuộc một trong các trường hợp: a) Không đủ điều kiện dự thi; b) Đã hết số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun theo quy định nhưng điểm thi chưa thuộc loại đạt; c) Người học theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ đăng ký học lại, thi lại để cải thiện điểm. 2. Người học phải học lại và thi lại không được bảo lưu điểm và thời gian học tập môn học, mô-đun của lần học trước đó và phải bảo đảm các điều kiện dự thi theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Thông tư này. 3. Trường hợp không còn môn học, mô-đun do chương trình đào tạo thay đổi thì hiệu trưởng quyết định chọn môn học, mô-đun khác phù hợp với mục tiêu của chương trình để thay thế.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.13. Điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô-đun)</i></p>

17	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.15. Ra đề thi, chấm thi kết thúc môn học, mô-đun</b> (Điều 15 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Đề thi a) Đề thi phải phù hợp với nội dung môn học, mô-đun đã quy định trong chương trình; được tổ chức bốc thăm ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi của trường; đối với hình thức thi trực tuyến hoặc bằng các phần mềm chuyên biệt, hiệu trưởng quy định cụ thể về cách thức xây dựng hoặc lựa chọn đề thi; b) Đề thi đối với người có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật do hiệu trưởng quyết định. 2. Chấm thi a) Bài thi kết thúc môn học, mô-đun phải do ít nhất 02 giáo viên chấm, cho điểm độc lập và ký vào bài thi, phiếu chấm điểm, bảng tổng hợp điểm của người dự thi. Bài thi viết tự luận, trắc nghiệm phải được làm phách trước khi chấm; chấm thi vấn đáp, thực hành phải thực hiện trên phiếu chấm thi do hiệu trưởng quy định; b) Điểm của bài thi là trung bình cộng điểm của các giáo viên chấm thi; trường hợp điểm của các giáo viên chấm thi có sự chênh lệch từ 1,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 thì phải xem xét chấm lại; nếu chấm lại mà chưa thống nhất được điểm thì trường khoa hoặc trưởng bộ môn xem xét, giải quyết và là người quyết định cuối cùng về điểm bài thi; c) Bài thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến; bài thi được chấm thông qua máy, phần mềm chuyên biệt và việc chấm phúc khảo bài thi do hiệu trưởng quy định cụ thể về hình thức và quy trình tổ chức thực hiện. 3. Công bố điểm thi a) Điểm thi theo hình thức vấn đáp, thực hành hoặc bảo vệ báo cáo thực tập phải được công bố cho người học biết ngay sau khi chấm; b) Đối với các hình thức thi, kiểm tra khác phải được công bố cho người học biết muộn nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi.</p>
18	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.16. Tính điểm môn học, mô-đun; điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy</b> (Điều 16 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Điểm môn học, mô-đun a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6; b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2; c) Điểm môn học, mô-đun được sử dụng theo thang điểm 10 trong đào tạo theo niên chế và thang điểm 4 trong đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ. 2. Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy a) Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy: Trong đó: A: là điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy; i: là số thứ tự môn học, mô-đun; ai: là điểm của môn học, mô-đun thứ i; ni: là số tín chỉ của môn học, mô-đun thứ i; n: là tổng số môn học, mô-đun trong học kỳ/năm học/khóa học hoặc số môn học, mô-đun đã tích lũy. b) Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các môn học, mô-đun mà người học đã tích lũy được tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét khi kết thúc mỗi học kỳ; c) Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học, điểm trung bình chung tích lũy bao gồm cả điểm môn học, mô-đun được bảo lưu, miễn trừ; không bao gồm điểm môn học điều kiện; d) Trường hợp người học được tạm hoãn học môn học, mô-đun thì chưa tính khối lượng học tập của môn học, mô-đun đó trong thời gian được tạm hoãn. 3. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, điểm trung bình chung tích lũy để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc môn học, mô-đun có điểm cao nhất. 4. Môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An</p>

		<p>ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng là 2 môn học điều kiện. Kết quả đánh giá 2 môn học này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.31. Quy đổi điểm môn học, mô-đun và điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy)</i></p>
19	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.17. Xử lý vi phạm về kiểm tra, thi</b> <i>(Điều 17 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>1. Người học thi hộ, nhờ người thi hộ sẽ bị đình chỉ học tập một năm đối với vi phạm lần thứ nhất và bị buộc thôi học đối với vi phạm lần thứ hai. 2. Trong quá trình thi, nếu người học có hành vi gian lận hoặc sử dụng cụ hỗ trợ trái phép trong khi thi hoặc giúp đỡ, tiếp tay cho việc gian lận thì cán bộ coi thi sẽ lập biên bản và xem xét, quyết định để người học có hành vi gian lận được tiếp tục làm bài thi hoặc dừng việc thi. Trường hợp phải dừng thi thì bài thi đó của người học được đánh giá 0 điểm. 3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, hiệu trưởng quy định cụ thể các hình thức xử lý vi phạm về kiểm tra, thi đối với từng trường hợp, theo từng hình thức thi cụ thể và được quy định trong quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp của trường.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.27. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp; Điều 20.1.TT.83.31. Quy đổi điểm môn học, mô-đun và điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy; Điều 20.1.TT.83.32. Xếp loại kết quả học tập; Điều 20.1.TT.83.35. Xếp loại tốt nghiệp)</i></p>
20	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.18. Bằng tốt nghiệp, bảng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập</b> <i>(Điều 18 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>1. Người học được công nhận tốt nghiệp thì được hiệu trưởng cấp bằng tốt nghiệp. Mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng được quy định tại Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2020/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 2. Bảng điểm từng môn học, mô-đun của toàn khóa học được cấp cho người học kèm theo bằng tốt nghiệp trong đó ghi rõ tên ngành, nghề đào tạo, hình thức đào tạo, kết quả và tên môn học, mô-đun được miễn trừ, bảo lưu điểm; điểm thi tốt nghiệp hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đối với đào tạo theo niên chế; điểm trung bình chung học tập toàn khóa học, xếp loại tốt nghiệp, lý do hạ mức xếp loại tốt nghiệp nếu có. 3. Người học chưa được công nhận tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập các môn học, mô-đun đã học trong chương trình, trong đó phải ghi rõ hình thức đào tạo và lý do chưa được công nhận tốt nghiệp. 4. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức trao bằng tốt nghiệp cho người đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc môn thi tốt nghiệp cuối cùng đối với đào tạo theo niên chế hoặc kết thúc môn học, mô-đun cuối cùng trong chương trình đối với đào tạo theo tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ. 5. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Sản xuất và chế biến; Kiến trúc và xây dựng; Nông lâm nghiệp và thủy sản; Dịch vụ vận tải được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành; các ngành, nghề còn lại được công</p>

		<p>nhận danh hiệu cử nhân thực hành. (Điều này có nội dung liên quan đến Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng của Thông tư 24/2020/TT-BLĐTĐ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ban hành ngày 30/12/2020; Điều 20.1.TT.14.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng)</p>
21	<p>Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo</p>	<p><b>Điều 20.1.TT.83.19. Quản lý hồ sơ, sổ sách đào tạo</b> (Điều 19 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm lập và quản lý hồ sơ đào tạo theo quy định tại Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; thực hiện bảo quản, lưu trữ, sử dụng hồ sơ, sổ sách đào tạo theo quy định của pháp luật và quy định của Thông tư này. Trường hợp trường giải thể thì phải bàn giao hồ sơ cho cơ quan quản lý có thẩm quyền. 2. Hồ sơ lưu trữ vĩnh viễn a) Văn bản phê duyệt, ban hành chương trình đào tạo; hồ sơ ban hành giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy; văn bản quy định về tổ chức, quản lý đào tạo; b) Văn bản phê duyệt danh sách người học trúng tuyển, danh sách lớp; c) Bảng điểm tổng hợp kết quả học tập của người học theo học kỳ, năm học, khóa học; d) Hồ sơ công nhận kết quả tốt nghiệp đối với đào tạo theo niên chế gồm: Quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp; danh sách người học dự thi và kết quả thi, bản in kết quả thi đối với hình thức thi trực tuyến hoặc thi bằng phần mềm chuyên biệt trên máy tính, phiếu nộp bài thi có chữ ký của người học. Hồ sơ công nhận kết quả tốt nghiệp đối với đào tạo theo tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ gồm: Quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp, biên bản họp xét tốt nghiệp, bảng điểm tổng kết toàn khóa học; đ) Quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ cấp phát bằng tốt nghiệp cho người học; e) Kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học; g) Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật người học; h) Hồ sơ liên kết đào tạo trong nước và nước ngoài. 3. Hồ sơ lưu trữ ít nhất 10 năm kể từ ngày công nhận tốt nghiệp cho người học a) Hồ sơ tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun gồm: Kế hoạch thi và lịch thi; danh sách người dự thi và kết quả từng môn thi; phiếu nộp bài thi có chữ ký của người học và cán bộ coi thi; bản ghi âm, ghi hình buổi thi đối với hình thức thi trực tuyến; b) Bảng điểm của người học gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ; điểm thi kết thúc môn học, mô-đun; bản in kết quả thi, kiểm tra đối với hình thức thi, kiểm tra trực tuyến hoặc bằng phần mềm chuyên biệt trên máy tính có chữ ký của giáo viên, giảng viên giảng dạy và cán bộ quản lý chuyên môn. 4. Hồ sơ lưu trữ ít nhất 05 năm kể từ ngày công nhận tốt nghiệp cho người học a) Hồ sơ phúc khảo bài thi kết thúc môn học, mô-đun, thi tốt nghiệp; b) Sổ lên lớp của từng lớp học. 5. Hồ sơ lưu trữ ít nhất 01 năm kể từ ngày công nhận tốt nghiệp cho người học a) Đề thi đã sử dụng, bài thi, phiếu chấm thi tốt nghiệp trong đào tạo theo niên chế. b) Thời khóa biểu và phân công giáo viên, giảng viên giảng dạy. (Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.37.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Điều 20.1.TT.83.12. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô-đun; Điều 20.1.TT.83.23. Kế hoạch và tổ chức các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp)</p>

22	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.20. Tổ chức lớp học</b> (Điều 20 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>Đào tạo theo niên chế được tổ chức theo năm học, một năm học có 2 học kỳ, mỗi học kỳ có ít nhất 15 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun. Ngoài hai học kỳ chính, hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm kỳ học phụ để người học có điều kiện được học lại, học bù. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 4 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun.</p>
23	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.21. Xếp loại kết quả học tập</b> (Điều 21 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Sau mỗi học kỳ hoặc năm học, người học được xếp loại kết quả học tập theo thang điểm 10 như sau: a) Loại xuất sắc: từ 9,0 đến 10; b) Loại giỏi: từ 8,0 đến 8,9; c) Loại khá: từ 7,0 đến 7,9; d) Loại trung bình: từ 5,0 đến 6,9; đ) Loại yếu: dưới 5,0. 2. Người học có điểm đạt loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau: a) Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ hoặc năm học được xếp loại kết quả học tập; b) Có 01 môn học hoặc mô-đun trong học kỳ, năm học phải thi lại đối với loại xuất sắc; có 02 môn học hoặc mô-đun trở lên trong học kỳ, năm học phải thi lại đối với loại giỏi (không tính môn học điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ). 3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính để xếp loại.</p>
24	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.22. Điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học, tự thôi học</b> (Điều 22 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Người học chương trình có thời gian đào tạo từ 1,5 năm trở lên, kết thúc mỗi năm học, nếu thuộc một trong các trường hợp sau thì buộc phải điều chỉnh tiến độ và phải hoàn thành các môn học, mô-đun chưa đạt mới được xem xét, cho phép học tiếp các môn học, mô-đun mới; thời gian điều chỉnh tiến độ học được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành chương trình quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư này, gồm: a) Người học có điểm trung bình chung năm học từ 4,0 đến dưới 5,0 điểm theo thang điểm 10; b) Người học có điểm trung bình chung năm học dưới 4,0 nhưng có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật. 2. Người học bị buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a) Kết thúc năm học có điểm trung bình chung dưới 4,0 điểm; b) Đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình quy định tại khoản 3 Điều 3 hoặc đã hết số lần được thi tốt nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Thông tư này nhưng điểm thi tốt nghiệp hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp chưa thuộc loại đạt; c) Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học. 3. Người học không thuộc diện bị buộc thôi học, nếu thuộc một trong các trường hợp sau được đề nghị trường cho thôi học: a) Người học tự xét thấy không còn khả năng hoàn thành chương trình do thời gian còn lại không đủ để hoàn thành chương trình theo quy định; b) Vì lý do khác phải thôi học kèm theo minh chứng cụ thể và được hiệu trưởng chấp thuận. 4. Hiệu trưởng quy định cụ thể về thủ tục, quyền lợi, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của người học, bảo lưu kết quả học tập và quyết định việc điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học và tự thôi học của người học. (Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.3. Chương trình và thời gian đào tạo; Điều 20.1.TT.83.24. Điều kiện dự thi và số lần dự thi tốt nghiệp)</p>

25	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.23. Kế hoạch và tổ chức các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp</b> (Điều 23 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Kế hoạch thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp phải được xây dựng và công bố công khai trước kỳ thi tốt nghiệp ít nhất là 04 tuần. 2. Nội dung, thời gian và hình thức tổ chức thi tốt nghiệp a) Nội dung thi tốt nghiệp gồm: Môn thi Lý thuyết chuyên môn và môn thi Thực hành; b) Thi Lý thuyết chuyên môn được tổ chức theo hình thức thi viết, vấn đáp hoặc trắc nghiệm; thời gian thi viết hoặc trắc nghiệm không quá 180 phút, thi vấn đáp không quá 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời cho 1 thí sinh, được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến; c) Thi Thực hành được tổ chức theo hình thức làm bài thực hành kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm, dịch vụ hoặc một phần sản phẩm, dịch vụ. Thời gian thi thực hành cụ thể do hiệu trưởng quy định đảm bảo phù hợp với đặc thù của ngành, nghề đào tạo; d) Thi Thực hành bằng hình thức trực tuyến được áp dụng đối với những ngành, nghề thuộc lĩnh vực Nghệ thuật; Nhân văn; Báo chí thông tin; Kinh doanh, quản lý; Pháp luật; Dịch vụ xã hội hoặc các ngành nghề trong các lĩnh vực khác khi bảo đảm các yêu cầu: Ngành, nghề thi tốt nghiệp không có yêu cầu bắt buộc về thiết bị, nguyên vật liệu thực hành hoặc ngành, nghề có các thiết bị, nguyên vật liệu thực hành có thể thay thế phù hợp với điều kiện thi trực tuyến; ngành, nghề có phần mềm thi, đánh giá chuyên biệt; đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị ghi âm, ghi hình phục vụ quá trình thi. đ) Hiệu trưởng quy định cụ thể về hình thức và quy trình tổ chức thi trực tuyến nhằm bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học và chống được gian lận trong quá trình thi. Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư này. Hình thức thi trực tuyến phải được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng thi tốt nghiệp và người học. 3. Hội đồng thi tốt nghiệp a) Hội đồng thi tốt nghiệp do hiệu trưởng quyết định thành lập, có ít nhất 05 người gồm: Chủ tịch hội đồng là hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo; Phó chủ tịch hội đồng là phó hiệu trưởng hoặc trưởng phòng đào tạo; Thư ký hội đồng và các ủy viên là cán bộ, giáo viên, giảng viên của trường, đại diện doanh nghiệp có cùng chuyên môn hoặc có chuyên môn gắn với ngành nghề tổ chức thi; b) Chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp chịu trách nhiệm quy định cụ thể và chỉ đạo toàn bộ các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp. Quyết định thành lập các ban, tiểu ban giúp việc hội đồng gồm: Ban thư ký, đề thi, coi thi, chấm thi, chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp và các ban giúp việc khác theo yêu cầu của kỳ thi; c) Hội đồng thi tốt nghiệp thực hiện việc xét công nhận tốt nghiệp cho người học theo quy định tại Điều 26 của Thông tư này; trình hiệu trưởng xem xét, quyết định danh sách người học đủ điều kiện, không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp. 4. Ra đề thi, coi thi, chấm thi a) Đề thi phải phù hợp với đề cương ôn thi, mỗi môn thi phải có một bộ đề thi chính và ít nhất một bộ đề thi dự phòng tương đương về nội dung kiến thức và có cùng thời gian làm bài thi đối với môn thi Lý thuyết chuyên môn; b) Đề thi theo hình thức trực tuyến phải đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu như đối với hình thức thi trực tiếp và tương đương về nội dung; c) Điểm đáp án của đề thi theo hình thức thi viết, thực hành được chia nhỏ theo nội dung không quá 0,25 điểm theo thang điểm 10; trong đó, nếu điểm toàn bài thi có điểm lẻ là 0,25 thì quy tròn thành 0,5; có điểm lẻ là 0,75 thì quy tròn thành 1,0. 5. Chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp a) Ban chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp có từ 3 đến 5 thành viên gồm: Trưởng ban, thư ký và các thành viên; b) Ban chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp chỉ họp khi có từ 3 thành viên trở lên; trưởng ban và thư ký không được vắng mặt; c) Ban chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp cho điểm bằng hình thức bỏ phiếu kín; điểm trung bình cộng của các thành viên là điểm chính thức của chuyên đề, khóa</p>
----	---	---

		<p>luận tốt nghiệp; d) Biên bản chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp được lưu giữ như với biên bản chấm thi và được lưu hồ sơ theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.19. Quản lý hồ sơ, sổ sách đào tạo; Điều 20.1.TT.83.26. Điều kiện tốt nghiệp)</i></p>
26	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.24. Điều kiện dự thi và số lần dự thi tốt nghiệp</b> <i>(Điều 24 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>1. Điều kiện dự thi tốt nghiệp: a) Điểm tổng kết môn học, mô-đun trong chương trình từ đạt trở lên; b) Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Còn số lần dự thi và trong quỹ thời gian được dự thi tốt nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều này; d) Người học không đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp theo quy định tại điểm a khoản này, nếu còn quỹ thời gian để hoàn thành chương trình thì được hiệu trưởng xem xét, cho phép được hoàn thành các môn học, mô-đun chưa đạt và tổ chức xét điều kiện dự thi tốt nghiệp; đ) Người học không đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp do bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét điều kiện dự thi tốt nghiệp; e) Người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện dự thi tốt nghiệp cho người học đó. 2. Số lần dự thi tốt nghiệp a) Người học có điểm thi tốt nghiệp dưới 5,0 thì được thi lại môn thi đó không quá 03 lần trong thời gian tối đa hoàn thành chương trình; b) Thi lại lần thứ nhất cho người học có môn thi tốt nghiệp chưa đạt yêu cầu trong thời gian tối thiểu 30 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi tốt nghiệp, thời gian thi lại do hiệu trưởng quy định; c) Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định, nếu có môn thi tốt nghiệp có điểm dưới 5,0 thì được hiệu trưởng xem xét ưu tiên số lần dự thi lại môn thi tốt nghiệp đó trong quỹ thời gian tối đa hoàn thành chương trình; d) Người học không tham dự thi tốt nghiệp vì lý do chính đáng và bất khả kháng thì chưa tính số lần thi đó và được bố trí dự thi ở kỳ thi khác. Nếu bỏ thi không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải tham dự kỳ thi lại trong số lần được phép thi lại; đ) Người học được miễn thi tốt nghiệp đối với môn thi trong trường hợp đã tham dự thi và được công nhận kết quả thi đạt yêu cầu đối với môn thi đó ở ngành, nghề và trình độ tương đương.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.22. Điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học, tự thôi học)</i></p>
27	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.25. Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp</b> <i>(Điều 25 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>1. Hiệu trưởng quyết định lớp học và người học được làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; phân công giáo viên, giảng viên hướng dẫn làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp theo đề nghị của khoa chuyên môn. 2. Khối lượng của chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp không quá 5 tín chỉ và được quy định trong chương trình đào tạo cao đẳng. 3. Văn bản đề nghị cho người học bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của giáo viên, giảng viên hướng dẫn và toàn văn chuyên đề, khóa luận nộp về khoa chuyên môn trước khi bảo vệ 15 ngày; chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp được giao cho hội đồng chấm trước khi bảo vệ ít nhất 10 ngày. 4. Kết quả chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp phải được công bố ngay sau buổi bảo vệ. Hiệu trưởng quy định việc bảo vệ lại hoặc cho người học chuyển sang thi tốt nghiệp đối với các trường hợp bảo vệ</p>



		chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp không đạt yêu cầu. 5. Đối với một số ngành, nghề đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, Sức khỏe, Thể thao, An ninh quốc phòng, hiệu trưởng quy định nội dung, hình thức chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp phù hợp với đặc thù của ngành, nghề.
28	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.26. Điều kiện tốt nghiệp</b> (Điều 26 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau: a) Điểm của mỗi môn thi tốt nghiệp hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; b) Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Hoàn thành các điều kiện khác theo quy định của trường; 2. Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó. 3. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp. 4. Chậm nhất sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thi tốt nghiệp hoặc ngày bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, hội đồng xét tốt nghiệp tổ chức xét tốt nghiệp cho người học. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày xét tốt nghiệp cho người học, hội đồng xét tốt nghiệp trình hiệu trưởng danh sách người học đủ điều kiện, không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp. 5. Chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày hội đồng xét tốt nghiệp có đề nghị, hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp cho người học đủ điều kiện tốt nghiệp. (Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.23. Kế hoạch và tổ chức các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp)</p>
29	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.27. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp</b> (Điều 27 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp đối với thi tốt nghiệp được tính theo công thức: <math>ĐTN = 3.ĐTB + 2.ĐTNTH + ĐTNLT6</math> Trong đó: ĐTN: điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp ĐTB: điểm trung bình chung toàn khóa học ĐTNTH: điểm môn thi Thực hành ĐTNLT: điểm môn thi Lý thuyết chuyên môn</p> <p>2. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp đối với bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp được tính theo công thức: <math>ĐTN = 3.ĐTB + 2.ĐCĐ5</math> Trong đó: ĐCĐ: điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.</p> <p>3. Xếp loại tốt nghiệp của người học được căn cứ vào điểm xếp loại tốt nghiệp và tính theo thang điểm 10 như sau: a) Xuất sắc: từ 9,0 đến 10 b) Giỏi: từ 8,0 đến 8,9 c) Khá: từ 7,0 đến 7,9 d) Trung bình: từ 5,0 đến 6,9</p> <p>4. Người học có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên không có môn thi tốt nghiệp phải thi lại hoặc không</p>

		<p>phải bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Có 01 môn học hoặc mô-đun trong học kỳ phải thi lại đối với loại xuất sắc; 02 môn học hoặc mô-đun trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại giỏi (không tính môn học, mô-đun điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ);</p> <p>b) Có khối lượng học tập phải học lại quá 10% thời lượng của chương trình;</p> <p>c) Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học tập tại trường không tính mức kỷ luật được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 17 của Thông tư này;</p> <p>5. Người học phải thi tốt nghiệp lại hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp thì xếp loại tốt nghiệp như sau:</p> <p>a) Có 01 môn thi tốt nghiệp phải thi lại hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp một lần thi xếp loại tốt nghiệp cao nhất là loại khá;</p> <p>b) Người học phải thi tốt nghiệp lại hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp từ 02 lần trở lên thì xếp loại tốt nghiệp trung bình.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.17. Xử lý vi phạm về kiểm tra, thi)</i></p>
30	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.28. Tổ chức lớp học</b> <i>(Điều 28 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>1. Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô-đun dựa vào đăng ký học tập của người học ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học lý thuyết, thực hành đảm bảo điều kiện tổ chức đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng bảo đảm lớp học tích hợp, thực hành không quá 18 người học đối với nghề bình thường; không quá 10 người học đối với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.</p> <p>2. Tùy điều kiện thực tế, một năm có thể tổ chức từ 2 - 3 học kỳ, gồm học kỳ chính và học kỳ phụ. Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học, trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô-đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô-đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm số, hoặc học vượt các môn học, mô-đun có ở các học kỳ sau nếu trong học kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 6 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi</p>
31	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.29. Đăng ký khối lượng học tập</b> <i>(Điều 29 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>1. Trước mỗi học kỳ, người học phải đăng ký học tập theo quy chế đào tạo của trường. Khối lượng học tập người học đăng ký trong mỗi học kỳ như sau:</p> <p>a) Khối lượng học tập tối thiểu không nhỏ hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập;</p> <p>b) Khối lượng học tập tối đa không quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập;</p> <p>c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với học kỳ phụ.</p> <p>2. Người học được đăng ký học lại môn học, mô-đun có lần thi cuối đạt điểm D theo quy định tại Điều 31 của Thông tư này để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.</p>

		<p>3. Khối lượng đăng ký học tập của người học theo từng học kỳ được ghi vào phiếu đăng ký học do nhà trường lưu giữ. (Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.31. Quy đổi điểm môn học, mô-đun và điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy)</p>
32	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.30. Rút bớt khối lượng học tập đã đăng ký</b> (Điều 30 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Việc rút bớt khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Tùy theo điều kiện cụ thể, hiệu trưởng quy định khối lượng học tập tối đa được rút bớt. Ngoài khối lượng học tập được rút bớt, môn học, mô-đun vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học, nếu người học không học môn học, mô-đun này sẽ xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F theo quy định tại Điều 31 của Thông tư này.</p> <p>2. Người học chỉ được rút bớt khối lượng học tập đã đăng ký khi có đơn đề nghị gửi nhà trường và được nhà trường chấp thuận. (Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.31. Quy đổi điểm môn học, mô-đun và điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy)</p>
33	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.31. Quy đổi điểm môn học, mô-đun và điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy</b> (Điều 31 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Quy đổi điểm môn học, mô-đun thành điểm chữ</p> <p>a) Điểm môn học, mô-đun được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Thông tư này theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân được chuyển thành điểm chữ như sau: Loại đạt: A: từ 8,5 đến 10 B: từ 7,0 đến 8,4 C: từ 5,5 đến 6,9 D: từ 4,0 đến 5,4 Loại không đạt: F: dưới 4,0</p> <p>b) Đối với những môn học, mô-đun chưa đủ cơ sở để tính điểm khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau: I: Chưa đủ điểm thành phần để đánh giá do được phép hoãn kiểm tra, thi; X: Chưa nhận được kết quả kiểm tra, thi; R: Đối với môn học, mô-đun được miễn hoặc được cho phép chuyển điểm kèm theo kết quả.</p> <p>c) Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những quy định đã nêu ở điểm a khoản này, còn áp dụng cho trường hợp người học vi phạm nội quy thi kiểm tra, thi quy định tại Điều 17; tự ý bỏ học theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Thông tư này;</p> <p>d) Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp: Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun, người học bị ốm hoặc tai nạn không thể dự thi, nhưng phải được hiệu trưởng cho phép; người học không tham dự đủ bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ hoặc thi hết môn học, mô-đun vì những lý do khách quan, được nhà trường chấp thuận. Trừ các trường hợp đặc biệt do hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ kế tiếp, người học có mức điểm I phải hoàn thành xong các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ còn nợ để được chuyển điểm;</p> <p>đ) Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những môn học, mô-đun mà đơn vị tổng hợp kết quả đào tạo chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của người học từ đơn vị đào tạo chuyển lên;</p> <p>e) Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp: Điểm môn học, mô-đun được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số môn học, mô-đun được phép thi sớm để giúp người học học</p>

		<p>vượt. Những môn học, mô-đun được công nhận kết quả, khi người học chuyển từ trường khác đến hoặc công nhận giữa các chương trình.</p> <p>2. Để tính điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy, điểm chữ của mỗi môn học, mô-đun được quy đổi sang điểm số theo thang điểm 4 như sau: A tương ứng với 4 B tương ứng với 3 C tương ứng với 2 D tương ứng với 1 F tương ứng với 0 Trường hợp sử dụng thang điểm chữ có nhiều mức hơn, do hiệu trưởng quy định và cũng được quy đổi sang điểm số theo thang điểm từ 0 tới 4. 3. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được xác định theo khoản 2 Điều 16 của Thông tư này.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.16. Tính điểm môn học, mô-đun; điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy; Điều 20.1.TT.83.17. Xử lý vi phạm về kiểm tra, thi; Điều 20.1.TT.83.29. Đăng ký khối lượng học tập; Điều 20.1.TT.83.30. Rút bớt khối lượng học tập đã đăng ký)</i></p>
34	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.32. Xếp loại kết quả học tập</b> <i>(Điều 32 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>1. Xếp loại kết quả học tập của người học theo học kỳ căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy theo thang điểm 4 như sau: Xuất sắc: từ 3,50 đến 4,00 Giỏi: từ 3,00 đến 3,49 Khá: từ 2,50 đến 2,99 Trung bình: từ 2,00 đến 2,49 Yếu: dưới 2,00</p> <p>2. Người học có điểm đạt loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:</p> <p>a) Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ xếp loại kết quả học tập, không tính mức kỷ luật được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 17 của Thông tư này.</p> <p>b) Có 01 môn học hoặc mô-đun trong học kỳ phải thi lại đối với loại xuất sắc, 02 môn học hoặc mô-đun trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại giỏi, không tính môn học, mô-đun điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ.</p> <p>3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính để xếp loại.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.17. Xử lý vi phạm về kiểm tra, thi; Điều 20.1.TT.83.35. Xếp loại tốt nghiệp)</i></p>
35	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.33. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học, tự thôi học</b> <i>(Điều 33 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i></p> <p>1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, giúp cho người học có kết quả học tập kém biết và có kế hoạch học tập thích hợp để cải thiện kết quả học tập. Việc cảnh báo kết quả học tập của người học được thực hiện khi:</p> <p>a) Tổng số môn học, mô-đun không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng học tập đã đăng ký đầu kỳ;</p> <p>b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 1,2 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,5 đối với các học kỳ tiếp theo;</p> <p>c) Hiệu trưởng quy định số lần cảnh báo kết quả học tập và hình thức thông báo tới người học.</p> <p>2. Sau mỗi học kỳ, người học bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá quy định của nhà trường;</p> <p>b) Đã hết quỹ thời gian tối đa để hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư này;</p> <p>c) Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học.</p>

		<p>3. Người học không thuộc diện bị buộc thôi học, nếu thuộc một trong các trường hợp sau được đề nghị trường cho thôi học:</p> <p>a) Người học tự xét thấy không còn khả năng hoàn thành chương trình do thời gian còn lại không đủ để hoàn thành chương trình theo quy định;</p> <p>b) Vì lý do khác phải thôi học kèm theo minh chứng cụ thể và được hiệu trưởng chấp thuận.</p> <p>4. Hiệu trưởng quy định về thủ tục, quyền lợi, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của người học, kết quả học tập đã tích lũy được bảo lưu và quyết định việc buộc thôi học hoặc tự thôi học của người học. (Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.3. Chương trình và thời gian đào tạo)</p>
36	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.34. Điều kiện tốt nghiệp</b> (Điều 34 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Kết thúc khóa học, hoặc khi người học tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ theo quy định trong chương trình, hiệu trưởng thành lập hội đồng xét tốt nghiệp cho người học.</p> <p>2. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:</p> <p>a) Tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ quy định của chương trình;</p> <p>b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,0 trở lên;</p> <p>c) Hoàn thành các yêu cầu bắt buộc khác theo quy định của chương trình;</p> <p>d) Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>đ) Có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian của chương trình.</p> <p>3. Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.</p> <p>4. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được xét công nhận tốt nghiệp.</p>
37	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.35. Xếp loại tốt nghiệp</b> (Điều 35 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Xếp loại tốt nghiệp được xác định căn cứ điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Thông tư này.</p> <p>2. Người học có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Có 01 môn học hoặc mô-đun trong học kỳ phải thi lại đối với loại xuất sắc, 02 môn học hoặc mô-đun trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại giỏi không tính môn học, mô-đun điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ;</p> <p>b) Có khối lượng học tập phải học lại quá 10% thời lượng của chương trình đào tạo;</p> <p>c) Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học tập tại trường, không tính mức kỷ luật được quy định tại khoản</p>

		2, khoản 3 Điều 17 của Thông tư này. <i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.17. Xử lý vi phạm về kiểm tra, thi; Điều 20.1.TT.83.32. Xếp loại kết quả học tập)</i>
38	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<b>Điều 20.1.TT.83.36. Trách nhiệm của các trường</b> <i>(Điều 36 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i> 1. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm lựa chọn phương thức đào tạo theo niên chế hoặc theo tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ phù hợp với điều kiện cụ thể của trường nhưng phải đảm bảo chất lượng đào tạo đối với từng chương trình. 2. Thực hiện đào tạo liên thông cho người học các ngành, nghề, trình độ mà trường đang đào tạo theo quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp; thực hiện liên kết đào tạo theo quy định tại Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. 3. Căn cứ Thông tư này các trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp và các quy định cụ thể về việc tổ chức, quản lý đào tạo đối với trường mình theo từng phương thức và loại hình đào tạo. 4. Trước khi bắt đầu khóa học, các trường phải công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng; mục tiêu, khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt sau khi tốt nghiệp; chương trình của từng ngành, nghề đào tạo; thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đối với từng ngành, nghề cụ thể; quy chế đào tạo; kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học; thời gian dự kiến thi tốt nghiệp; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. <i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.20.1. Phạm vi điều chỉnh)</i>
39	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<b>Điều 20.1.TT.83.37. Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo</b> <i>(Điều 37 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</i> 1. Các trường được tự chủ trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo của trường, cụ thể: a) Xây dựng hạ tầng, đầu tư công nghệ, trang thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong đào tạo; b) Xây dựng các chương trình quản lý tổ chức đào tạo bao gồm quản lý chương trình đào tạo, đội ngũ nhà giáo; hồ sơ điện tử người học từ khi vào trường đến khi tham gia thị trường lao động và các nội dung khác phục vụ cho hoạt động đào tạo của trường trên môi trường mạng máy tính; c) Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến bao gồm việc học tập trực tuyến (e-learning), hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS - Learning Management System), hệ thống quản lý nội dung học tập (LCMS - Learning Content Management System); d) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR - Virtual Reality), thực tế tăng cường (AR - Augmented Reality) vào hỗ trợ đào tạo thực hành; đ) Số hóa chương trình, giáo trình, tài liệu dạy học, giáo án, hồ sơ, sổ sách đào tạo; kế hoạch, tiến độ đào tạo; xây dựng thư viện điện tử phục vụ cho quá trình tổ chức đào tạo. 2. Các hoạt động tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ thông qua ứng dụng công nghệ thông tin phải bảo đảm tuân thủ theo quy định tại Thông tư này và

		các quy định của pháp luật có liên quan.
40	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.83.38. Chế độ báo cáo</b> (Điều 38 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Hiệu trưởng báo cáo bằng văn bản công tác đào tạo của trường theo năm thực hiện tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm về cơ quan trực tiếp quản lý trường; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương nơi đặt trụ sở của trường trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo. Báo cáo bao gồm các nội dung chính như: Số liệu tuyển sinh, tốt nghiệp, thời học và đang học trong năm, dự kiến tốt nghiệp trong năm sau, tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng theo đối tượng đầu vào, ngành nghề đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo; số lượng các chương trình đào tạo được xây dựng mới, cập nhật, chỉnh sửa bổ sung; việc liên kết đào tạo (ngành nghề, đơn vị liên kết, địa điểm liên kết); tình hình khen thưởng, kỷ luật hoặc xử lý vi phạm (nếu có) và những thuận lợi, khó khăn trong tổ chức đào tạo và đề xuất kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo bằng văn bản tổng hợp tình hình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng của các trường trên địa bàn theo năm thực hiện tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 25 tháng 01 của năm tiếp theo.</p> <p>3. Ngoài chế độ báo cáo được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, hiệu trưởng, giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề khác có liên quan đến tổ chức đào tạo theo quy định của pháp luật hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu. (Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.84.9. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Điều 20.1.TT.84.10. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì, phối hợp liên kết đào tạo)</p>
41	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.84.4. Mục tiêu và hình thức liên kết đào tạo</b> (Điều 4 Thông tư số 05/2022/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/05/2022)</p> <p>1. Liên kết đào tạo nhằm mục tiêu khai thác, phối hợp và huy động các nguồn lực xã hội để đào tạo nhân lực lao động trong giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo.</p> <p>2. Liên kết đào tạo được tổ chức theo 2 hình thức sau:</p> <p>a) Liên kết phối hợp đào tạo: Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo trực tiếp tham gia giảng dạy, phối hợp quản lý quá trình đào tạo và đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị để thực hiện liên kết đào tạo hoặc chỉ tham gia vào hoạt động giảng dạy trong chương trình liên kết đào tạo;</p> <p>b) Liên kết đặt lớp đào tạo: Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo không tham gia giảng dạy, chỉ phối hợp quản lý và đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị để thực hiện liên kết đào tạo.</p>
42	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.84.5. Tổ chức liên kết đào tạo</b> (Điều 5 Thông tư số 05/2022/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/05/2022)</p> <p>1. Đơn vị chủ trì liên kết đào tạo: Chủ trì, phối hợp với đơn vị liên kết đào tạo chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ nhà giáo theo quy định trong chương trình đào tạo và chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị tối thiểu để tổ chức đào tạo theo các hình thức liên kết đảm bảo chất lượng đào tạo.</p> <p>2. Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo: Tham gia giảng dạy chương trình đào tạo tùy thuộc vào điều kiện và hình thức liên</p>

		<p>kết đào tạo. Kế hoạch, thời gian, khối lượng nội dung giảng dạy do hai bên thống nhất và được thể hiện trong hợp đồng liên kết đào tạo theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.</p> <p>3. Chỉ tiêu tuyển sinh liên kết đào tạo nằm trong tổng chỉ tiêu được cấp theo đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của đơn vị chủ trì liên kết.</p> <p>4. Việc quản lý người học trong quá trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng.</p> <p>5. Việc liên kết theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.18.1.; Điều 20.1.TT.24.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Điều 20.1.TT.84.6. Hợp đồng liên kết đào tạo)</i></p>
43	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.84.6. Hợp đồng liên kết đào tạo</b> <i>(Điều 6 Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/05/2022)</i></p> <p>Hợp đồng liên kết đào tạo quy định cụ thể về các nội dung thực hiện liên kết đào tạo; quyền, trách nhiệm của đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp liên kết đào tạo. Nội dung hợp đồng liên kết đào tạo bao gồm những nội dung chính sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tên ngành nghề, trình độ đào tạo hoặc nội dung đào tạo; thời gian, địa điểm đào tạo, quy mô và hình thức liên kết đào tạo.</li> <li>2. Chương trình đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất, thiết bị cho đào tạo.</li> <li>3. Kế hoạch và tiến độ đào tạo. Trường hợp đơn vị phối hợp liên kết đào tạo là doanh nghiệp cần ghi rõ địa điểm, thời gian đào tạo tại doanh nghiệp, thời gian đào tạo tại đơn vị chủ trì liên kết đào tạo.</li> <li>4. Nhà giáo tham gia giảng dạy, hướng dẫn; chế độ hoặc tiền lương cho nhà giáo và người học nếu làm ra sản phẩm đạt quy cách trong quá trình thực hành, thực tập (nếu có).</li> <li>5. Thời hạn thực hiện của hợp đồng liên kết đào tạo.</li> <li>6. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo.</li> <li>7. Tài chính thực hiện hợp đồng liên kết đào tạo.</li> <li>8. Các nội dung khác có liên quan.</li> </ol> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.84.5. Tổ chức liên kết đào tạo)</i></p>
44	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.84.7. Quyền của các bên tham gia liên kết đào tạo</b> <i>(Điều 7 Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/05/2022)</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thống nhất mức thu lệ phí tuyển sinh, học phí theo quy định. Trường hợp cơ sở giáo dục nghề nghiệp liên kết đào tạo với doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp liên kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp thì hai bên thỏa thuận mức lương, tiền công cho người học, nhà giáo trực tiếp hoặc tham gia hoạt động làm ra sản phẩm trong thời gian đào tạo, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp.</li> <li>2. Thỏa thuận, ký kết hợp đồng thực hiện liên kết đào tạo theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.</li> </ol>



45	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.84.8. Nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết đào tạo</b> (Điều 8 Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/05/2022)</p> <p>1. Đơn vị chủ trì liên kết đào tạo</p> <p>a) Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với ngành, nghề dự định liên kết đào tạo theo quy định tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp việc liên kết chỉ thực hiện đào tạo một hoặc một số nội dung học tập trong chương trình đào tạo thì không cần phải đăng ký hoặc đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp;</p> <p>b) Chủ trì thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;</p> <p>c) Chủ trì tổ chức đào tạo, quản lý chất lượng, đánh giá và công nhận kết quả học tập cho người học theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp và Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định về đào tạo thường xuyên; Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017; Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học;</p> <p>d) Tổ chức quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho người học sau khi tốt nghiệp chương trình liên kết đào tạo theo quy định tại Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và Thông tư số 24/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp và Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015;</p> <p>đ) Người đứng đầu đơn vị chủ trì liên kết đào tạo ban hành quyết định tuyển sinh liên kết đào tạo khi đảm bảo các yêu</p>
----	---	--

		<p>câu thực hiện liên kết đào tạo. Quyết định tuyển sinh liên kết đào tạo phải nêu rõ tên ngành, nghề, trình độ và hình thức đào tạo, đối tượng và hình thức tuyển sinh.</p> <p>2. Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo chịu trách nhiệm:</p> <p>a) Phối hợp với đơn vị chủ trì liên kết đào tạo chuẩn bị đầy đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng để tham gia tổ chức hoạt động liên kết đào tạo theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đào tạo giữa hai đơn vị;</p> <p>b) Phối hợp theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, việc tổ chức dạy, học và phản ánh kịp thời với đơn vị chủ trì đào tạo những biểu hiện sai phạm để kịp thời chấn chỉnh.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.77.1. Phạm vi điều chỉnh; Điều 20.1.TT.83.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng)</i></p>
46	Điều 20.1.LQ.67. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	<p><b>Điều 20.1.TT.80.32. Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và bảo đảm chất lượng đào tạo</b> <i>(Điều 32 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2021)</i></p> <p>1. Trường cao đẳng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điều 67 và Điều 69 của Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>2. Trường cao đẳng có trách nhiệm thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm chất lượng đào tạo của nhà trường và chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp theo quy định. <i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.LQ.67. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; Điều 20.1.LQ.69. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp)</i></p>
47	Điều 20.1.NĐ.5.3. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp	<p><b>Điều 20.1.TT.84.9. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</b> <i>(Điều 9 Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/05/2022)</i></p> <p>1. Hướng dẫn việc thực hiện tổ chức liên kết đào tạo đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Thông tư này.</p> <p>2. Hằng năm, tổng hợp tình hình liên kết đào tạo của các đơn vị trên địa bàn báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo chế độ báo cáo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.</p> <p>3. Báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về hoạt động liên kết đào tạo và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu. <i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.38. Chế độ báo cáo)</i></p>
48	Điều 20.1.NĐ.5.3. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp	<p><b>Điều 20.1.TT.84.10. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì, phối hợp liên kết đào tạo</b> <i>(Điều 10 Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/05/2022)</i></p> <p>1. Ban hành quy định về liên kết đào tạo của đơn vị, cơ quan, tổ chức và cá nhân phù hợp với các quy định tại Thông tư này.</p> <p>2. Hằng năm, báo cáo bằng văn bản tình hình liên kết đào tạo của đơn vị tính đến ngày 31 tháng 12 về cơ quan chủ quản, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính theo chế độ báo cáo quy định tại</p>

		<p>Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.</p> <p>3. Lưu trữ hồ sơ liên kết đào tạo theo quy định hiện hành về chế độ lưu trữ. (Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.83.38. Chế độ báo cáo)</p>
49	Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	<p><b>Điều 20.1.TT.83.39. Hiệu lực thi hành</b> (Điều 39 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2022. Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.</p> <p>2. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.</p> <p>3. Đối với các khóa tuyển sinh trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực, các trường thực hiện việc tổ chức đào tạo theo các quy định hiện hành tại thời điểm bắt đầu khóa học cho đến khi kết thúc khóa học.</p> <p>4. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, giải quyết.</p>
50	Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	<p><b>Điều 20.1.TT.83.40. Trách nhiệm thi hành</b> (Điều 40 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2022)</p> <p>Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổ chức Chính trị - Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các trường trung cấp, trường cao đẳng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.</p>
51	Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	<p><b>Điều 20.1.TT.84.11. Hiệu lực thi hành</b> (Điều 11 Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/05/2022)</p> <p>1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2022. Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.</p> <p>2. Các khóa học theo hình thức liên kết đào tạo được thực hiện trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành thì áp dụng theo quy định tại Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH.</p> <p>3. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổ chức Chính trị - Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố, các đơn vị và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.</p>

## 2. QPPL được bãi bỏ hoặc bị thay thế

TT	Vị trí của điều bị bãi bỏ	Điều bị bãi bỏ
1	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	<p><b>Điều 20.1.TT.13.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b>  <i>(Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp ngày 13/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</i></p> <p>1. Thông tư này quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.</p> <p>2. Thông tư này áp dụng cho các trường trung cấp, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký đào tạo trình độ cao đẳng (sau đây gọi chung là trường).</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.20.8. Tổ chức đào tạo liên thông; Điều 20.1.TT.23.6. Quyền của các bên tham gia liên kết đào tạo; Điều 20.1.TT.24.10. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; Điều 20.1.TT.24.11. Kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp)</i></p>
2	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	<p><b>Điều 20.1.TT.23.1. Phạm vi điều chỉnh</b>  <i>(Điều 1 Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/01/2018)</i></p> <p>Thông tư này quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (sau đây gọi là liên kết đào tạo) bao gồm: đối tượng, hình thức liên kết đào tạo, tổ chức liên kết đào tạo, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết đào tạo.</p>
3	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	<p><b>Điều 20.1.TT.23.2. Đối tượng áp dụng</b>  <i>(Điều 2 Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/01/2018)</i></p> <p>1. Thông tư này áp dụng cho các trường trung cấp, trường cao đẳng, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, và các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi là đơn vị), cá nhân có nhu cầu liên kết đào tạo liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 của Thông tư này.</p> <p>2. Thông tư này không áp dụng với đối tượng liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo có yếu tố nước ngoài.</p>

4	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	<p><b>Điều 20.1.TT.13.2. Giải thích từ ngữ</b>  <i>(Điều 2 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</i>          Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đào tạo theo niên chế là đào tạo theo đơn vị năm học. Mỗi chương trình đào tạo (sau đây gọi chung là chương trình) của một ngành, nghề được thực hiện trong một số tháng hoặc năm học nhất định. Học sinh, sinh viên (sau đây gọi chung là người học) phải hoàn thành khối lượng kiến thức, kỹ năng được quy định trong số tháng hoặc năm học đó. Một năm học thường được tổ chức thành hai học kỳ.</li> <li>2. Đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ được tổ chức theo học kỳ, là phương thức đào tạo trong đó người học chủ động lựa chọn theo quy định của trường để học và tích lũy từng môn học, mô-đun cho tới khi hoàn tất toàn bộ chương trình. Người học tích lũy đủ các mô-đun hoặc tín chỉ được quy định trong chương trình của ngành, nghề học thì được xét cấp bằng tốt nghiệp.</li> </ol>
5	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	<p><b>Điều 20.1.TT.23.3. Giải thích từ ngữ</b>  <i>(Điều 3 Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/01/2018)</i>          Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Liên kết đào tạo là sự hợp tác giữa đơn vị chủ trì liên kết đào tạo với đơn vị phối hợp liên kết đào tạo để tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo cấp bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, chứng chỉ sơ cấp nhưng không hình thành pháp nhân mới.</li> <li>2. Liên kết đào tạo trong nước là hình thức hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước với nhau hoặc giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu liên kết đào tạo.</li> <li>3. Đơn vị chủ trì liên kết đào tạo là trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng, trường đại học có đăng ký đào tạo trình độ cao đẳng; chịu trách nhiệm chính trong tổ chức quá trình liên kết đào tạo (bao gồm: ra thông báo và công nhận kết quả tuyển sinh, quản lý chất lượng, đánh giá và công nhận kết quả học tập, rèn luyện, cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ đào tạo).</li> <li>4. Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo là đơn vị, cá nhân có nhu cầu liên kết đào tạo; trực tiếp tham gia liên kết đào tạo với vai trò phối hợp với đơn vị chủ trì liên kết đào tạo trong quản lý, giảng dạy lý thuyết, giảng dạy thực hành và đảm bảo các điều kiện thực hiện liên kết đào tạo (Cơ sở vật chất, thiết bị, nhà xưởng, quản lý học sinh, sinh viên, v.v...).</li> </ol>
6	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.3. Thời gian khóa học và thời gian hoạt động giảng dạy</b>  <i>(Điều 3 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</i>          1. Thời gian đào tạo là thời gian được thiết kế để người học hoàn thành một chương trình cụ thể và đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp tương ứng với chương trình đó, cụ thể:</p>

- a) Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên là từ một đến hai năm học tùy theo ngành, nghề đào tạo;
- b) Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là thời gian tích lũy đủ số lượng mô-đun hoặc tín chỉ quy định cho từng chương trình;
- c) Người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, nếu có nguyện vọng tiếp tục học lên trình độ cao đẳng thì phải tích lũy thêm nội dung văn hóa trung học phổ thông;
- d) Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế được thực hiện từ hai đến ba năm học tùy theo ngành, nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; từ một đến hai năm học tùy theo ngành, nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành, nghề đào tạo và có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông;
- đ) Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là thời gian tích lũy đủ số lượng mô-đun hoặc tín chỉ cho từng chương trình đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông.
2. Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình bao gồm thời gian tối đa để hoàn thành các môn học, mô-đun trong chương trình, được tính từ thời điểm bắt đầu học môn học, mô-đun thứ nhất đến khi hoàn thành môn học, mô-đun cuối cùng của chương trình và thời gian tối đa để hoàn thành các môn thi tốt nghiệp hoặc hoàn thành chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình do hiệu trưởng quyết định, bảo đảm không vượt quá hai lần thời gian thiết kế cho chương trình từ hai đến ba năm học, không vượt quá ba lần thời gian thiết kế cho chương trình từ một đến dưới hai năm học; Ngoài ra, Hiệu trưởng xem xét, quyết định kéo dài thêm thời gian tối đa đối với người học thuộc vào một trong các trường hợp sau: Được điều động đi thực hiện nghĩa vụ an ninh - quốc phòng, sau khi hoàn thành nghĩa vụ tiếp tục học tại trường; có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật; vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị; bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học; Thời gian tối đa đối với chương trình đào tạo các ngành, nghề thuộc lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao có tính chất đặc thù do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thống nhất quy định; Người học cùng lúc hai chương trình, thời gian tối đa để hoàn thành hai chương trình bằng thời gian tối đa lớn nhất để hoàn thành một trong hai chương trình và được tính từ khi bắt đầu học chương trình thứ nhất.
3. Thời gian tổ chức giảng dạy của trường do hiệu trưởng quy định cụ thể, bảo đảm yêu cầu sau:
- a) Thời gian tổ chức giảng dạy của trường trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày,

		<p>trừ các nội dung bắt buộc phải giảng dạy ngoài thời gian quy định này mới đủ điều kiện thực hiện;</p> <p>b) Tổng thời lượng học tập theo thời khóa biểu đối với một người học trong một ngày không quá 8 giờ, trừ các nội dung bắt buộc phải có nhiều thời gian hơn 8 giờ mới đủ điều kiện thực hiện. Trong đó, một tuần học không bố trí quá 30 giờ lý thuyết; trong một ngày, không bố trí quá 6 giờ lý thuyết.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 7. Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo thực hành của Nghị định 111/2017/NĐ-CP quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; Điều 20.1.TT.24.4. Thời gian khóa học và thời gian tổ chức giảng dạy)</i></p>
7	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.4. Địa điểm đào tạo</b>  <i>(Điều 4 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</i></p> <p>1. Địa điểm đào tạo được thực hiện tại trường hoặc tại phân hiệu của trường. Trong đó, nhà trường có thể tổ chức giảng dạy ngoài phạm vi của trường các nội dung về kiến thức văn hóa, an ninh - quốc phòng, giáo dục thể chất và các nội dung thực hành, thực tập trên cơ sở bảo đảm chất lượng đào tạo.</p> <p>2. Việc thi kết thúc môn học lý thuyết, thi tốt nghiệp môn lý thuyết phải được thực hiện tại trường; việc thi kết thúc môn học, mô-đun có cả lý thuyết và thực hành, thực tập chuyên môn, thực tập tốt nghiệp, thi tốt nghiệp môn thực hành chỉ được thực hiện ngoài trường trong trường hợp trường không bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất để thực hiện tại trường.  <i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.24.5. Địa điểm đào tạo)</i></p>
8	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.5. Kế hoạch đào tạo</b>  <i>(Điều 5 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</i></p> <p>1. Căn cứ vào khối lượng kiến thức, yêu cầu kỹ năng quy định của chương trình, hiệu trưởng phân bố số môn học, mô-đun cho từng năm học, học kỳ.</p> <p>2. Trước khi bắt đầu một khóa học, năm học, học kỳ, trường phải công bố công khai kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học, học kỳ đó. Kế hoạch đào tạo cho từng khóa học, năm học phải thể hiện ít nhất các nội dung sau: số lượng học kỳ thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi học kỳ, năm học, khóa học và thời gian nghỉ hè, tết đối với lớp học trong cùng một đợt tuyển sinh; chương trình của từng môn học, mô-đun; địa điểm thực hiện; giáo viên, giảng viên (sau đây gọi chung là giáo viên) giảng dạy lý thuyết, thực hành từng môn học, mô-đun cho từng lớp học cụ thể.  <i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 5. Kế hoạch đào tạo thực hành của Nghị định 111/2017/NĐ-CP quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; Điều 20.1.TT.24.8. Kế hoạch đào tạo)</i></p>

9	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.6. Đăng ký nhập học</b> (Điều 6 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Khi đăng ký nhập học người học phải nộp các giấy tờ theo quy định hiện hành. Tất cả giấy tờ khi người học nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại đơn vị thuộc trường do hiệu trưởng quy định. 2. Sau khi xem xét đủ điều kiện nhập học, hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là học sinh, sinh viên chính thức của trường và cấp cho họ:</p> <p>a) Thẻ học sinh, sinh viên; b) Sổ đăng ký học tập, phiếu nhận cổ vấn học tập (trong trường hợp tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ).</p> <p>3. Trường phải cung cấp đầy đủ các thông tin cho người học về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của người học.</p>
10	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.7. Chuyển ngành, nghề đào tạo</b> (Điều 7 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Người học được chuyển ngành, nghề đào tạo đang học sang học một ngành, nghề đào tạo khác của trường.</p> <p>2. Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định cho phép người học chuyển ngành, nghề đào tạo, bảo đảm các yêu cầu sau:</p> <p>a) Người học có đơn đề nghị chuyển đổi ngành, nghề đào tạo; b) Ngành, nghề đào tạo dự kiến sẽ chuyển sang học phải có cùng hình thức tuyển sinh và các tiêu chí tuyển sinh bằng hoặc thấp hơn so với tiêu chí tuyển sinh của ngành, nghề đào tạo đang học; c) Người học khi đã được chuyển đổi sang ngành, nghề đào tạo khác thì phải dừng học ngành, nghề đào tạo trước khi chuyển đổi; d) Việc chuyển đổi ngành, nghề đào tạo phải hoàn thành trước khi bắt đầu học kỳ thứ hai đối với chương trình trình độ trung cấp, trước khi bắt đầu học kỳ thứ ba đối với chương trình trình độ cao đẳng; đ) Không trong thời gian: tạm dừng chương trình đang học, điều chỉnh tiến độ học, bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>3. Thời gian học tối đa để người học chuyển ngành, nghề đào tạo hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư này và được tính từ khi bắt đầu nhập học ngành, nghề trước khi chuyển.</p>
11	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.8. Học cùng lúc hai chương trình</b> (Điều 8 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho người học có đủ điều kiện quy định tại khoản 2</p>



		<p>Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai của trường hoặc của đơn vị liên kết đào tạo với trường để khi đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp hai bằng.</p> <p>2. Điều kiện học cùng lúc hai chương trình:</p> <p>a) Người học có đơn đề nghị học cùng lúc hai chương trình;</p> <p>b) Ngành, nghề đào tạo ở chương trình thứ hai phải khác ngành, nghề đào tạo ở chương trình thứ nhất;</p> <p>c) Đã học xong học kỳ thứ nhất đối với chương trình có thời gian thực hiện từ một đến hai năm học, đã học xong học kỳ thứ hai đối với chương trình có thời gian thực hiện từ trên hai năm học. Trong đó, xếp loại kết quả học tập của từng học kỳ đã hoàn thành ở chương trình thứ nhất tính đến thời điểm xét học cùng lúc hai chương trình phải đạt loại khá trở lên;</p> <p>d) Không trong thời gian: tạm dừng chương trình đang học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>3. Người học thuộc diện phải điều chỉnh tiến độ học hoặc bị buộc thôi học ở chương trình thứ nhất thì bị buộc thôi học ở chương trình thứ hai.</p> <p>4. Người học chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.</p> <p>5. Thời gian để người học hoàn thành hai chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư này.</p> <p>6. Hiệu trưởng quy định cụ thể việc học cùng lúc hai chương trình.</p>
12	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.9. Nghỉ học tạm thời, nghỉ ốm</b>  <i>(Điều 9 Thông tư số 09/2017/TT-BLDTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</i></p> <p>1. Người học được tạm dừng chương trình đang học và được bảo lưu điểm học tập nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động thực hiện nhiệm vụ an ninh - quốc phòng;</p> <p>b) Vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị thì phải có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi người học đó khám hoặc điều trị hoặc phải có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật;</p> <p>c) Trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn;</p> <p>d) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học;</p> <p>đ) Vì lý do khác không được quy định tại điểm a, b, c, d của khoản này: người học phải học xong ít nhất học kỳ thứ nhất tại trường; không thuộc trường hợp bị buộc thôi học.</p> <p>2. Người học được tạm hoãn học môn học, mô-đun theo kế hoạch đào tạo của trường và phải hoàn thành môn học, mô-đun tạm hoãn đó trong quỹ thời gian tối đa hoàn thành</p>

		<p>chương trình nêu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:</p> <p>a) Vì lý do sức khỏe không bảo đảm để học môn học, mô-đun đó và phải có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi người học đó khám hoặc điều trị;</p> <p>b) Có lý do khác không thể tham gia hoàn thành môn học, mô-đun đó, kèm theo minh chứng cụ thể và phải được hiệu trưởng chấp thuận.</p> <p>3. Người học không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, 2 của Điều này, trong trường hợp có lý do chính đáng thì được nghỉ học đột xuất theo quy định của trường và phải hoàn thành nhiệm vụ học tập theo quy định, đồng thời phải bảo đảm điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô-đun mới được dự thi kết thúc môn học, mô-đun.</p> <p>4. Thời gian nghỉ học tạm thời được tính vào thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư này.</p> <p>5. Hiệu trưởng quy định cụ thể việc nghỉ học tạm thời của người học.</p>
13	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.10. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập</b> (Điều 10 Thông tư số 09/2017/TT-BLDTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Việc miễn, giảm, tạm hoãn học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh được thực hiện theo quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh do Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội ban hành.</p> <p>2. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học, mô-đun, môn thi tốt nghiệp trong chương trình của trường trong trường hợp người học đã được công nhận tốt nghiệp chương trình từ trình độ tương đương, trong đó có môn học, mô-đun hoặc có môn thi tốt nghiệp có điểm đạt yêu cầu và được công nhận là tương đương với môn học, mô-đun, môn thi tốt nghiệp trong chương trình của trường.</p> <p>3. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học, miễn thi tốt nghiệp đối với môn học Chính trị thuộc các môn học chung trong trường hợp người học đã tốt nghiệp chương trình từ trình độ tương đương hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình trung cấp, cao cấp lý luận chính trị hoặc tương đương.</p> <p>4. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Ngoại ngữ thuộc các môn học chung trong trường hợp người học đã có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.</p> <p>5. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tin học thuộc các môn học chung trong trường hợp người học có kết quả kiểm tra đầu vào của trường đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.</p> <p>6. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Giáo dục thể chất thuộc các môn học chung trong trường hợp người học là thương bệnh binh, có thương tật hoặc bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động; người học trong thời gian học tại trường đạt giải nhất, nhì, ba hoặc đạt huy chương trong các đợt thi đấu thể thao cấp ngành hoặc từ cấp tỉnh trở lên.</p> <p>7. Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật được</p>

		<p>hiệu trưởng xem xét, quyết định cho miễn, giảm học một số môn học, mô-đun hoặc miễn, giảm một số nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng cá nhân không thể đáp ứng được.</p> <p>8. Bảo lưu điểm, công nhận kết quả học tập</p> <p>a) Người học được bảo lưu điểm, công nhận kết quả học tập của các môn học, mô-đun đạt yêu cầu từ chương trình đào tạo của trường, của trường nơi chuyển đi trong trường hợp chuyển trường, của một trong hai trường thực hiện liên kết đào tạo trong trường hợp học cùng lúc hai chương trình;</p> <p>b) Thời gian được bảo lưu kết quả học tập không quá 5 năm.</p> <p>9. Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.</p>
14	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.11. Chuyển trường</b> (Điều 11 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Người học chuyển trường theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì việc chuyển trường được thực hiện theo quyết định của cơ quan ra quyết định cho người học chuyển trường đó. Trong đó, việc ra quyết định chuyển trường phải có sự đồng ý bằng văn bản của người học.</p> <p>2. Người học chuyển trường theo nhu cầu cá nhân thì việc chuyển trường được thực hiện theo quy định của trường nơi chuyển đi và trường nơi chuyển đến. Trong đó, hiệu trưởng chỉ xét tiếp nhận hoặc cho người học chuyển đi học ở một trường khác khi người học đó bảo đảm các yêu cầu sau:</p> <p>a) Có đơn đề nghị chuyển trường;</p> <p>b) Không trong thời gian: điều chỉnh tiến độ học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đã hoàn thành ít nhất một học kỳ tại trường nơi chuyển đi nhưng không vào học kỳ cuối cùng của khóa học;</p> <p>d) Khi chuyển sang trường nơi chuyển đến phải học đúng ngành, nghề đang học tại trường nơi chuyển đi và có cùng hình thức đào tạo.</p> <p>3. Hiệu trưởng trường có người học xin chuyển đến quyết định việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận công nhận hoặc không công nhận kết quả học tập của người học ở trường nơi chuyển đến.</p> <p>4. Thời gian tối đa cho người học chuyển trường hoàn thành chương trình được tính từ thời điểm nhập học ở trường nơi chuyển đi.</p>
15	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.12. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô-đun</b></p>

(Điều 12 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)

1. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

a) Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học, mô-đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, mô-đun thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

b) Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học, mô-đun; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

c) Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho từng môn học, mô-đun cụ thể được thực hiện theo quy định của hiệu trưởng, bảo đảm trong một môn học, mô-đun có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ.

2. Tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun

a) Cuối mỗi học kỳ, hiệu trưởng tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học, mô-đun; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học, mô-đun hoặc có môn học, mô-đun có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính; ngoài ra, hiệu trưởng có thể tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun vào thời điểm khác cho người học đủ điều kiện dự thi;

b) Hình thức thi kết thúc môn học, mô-đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

c) Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô-đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của môn học, mô-đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo do hiệu trưởng quyết định;

d) Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 04 tuần, lịch thi của kỳ thi phụ phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 01 tuần; trong kỳ thi, từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một người học;

đ) Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học, mô-đun tỷ lệ thuận với số giờ của môn học, mô-đun đó và bảo đảm ít nhất là 1/2 ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập; tất cả các môn học, mô-đun phải bố trí giáo viên hướng dẫn ôn thi, đề cương ôn thi phải được công bố cho người học ngay khi bắt đầu tổ chức ôn thi;

e) Danh sách người học đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được công bố công khai trước ngày thi môn học, mô-đun ít nhất 05 ngày làm việc; danh sách phòng thi, địa điểm thi phải được công khai trước ngày thi kết thúc môn học, mô-

		<p>đun từ 1 - 2 ngày làm việc;</p> <p>g) Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi phải bố trí ít nhất hai giáo viên coi thi và không bố trí quá 50 người học dự thi; người học dự thi phải được bố trí theo số báo danh; đối với hình thức thi khác, hiệu trưởng quyết định việc bố trí phòng thi hoặc địa điểm thi và các nội dung liên quan khác;</p> <p>h) Bảo đảm tất cả những người tham gia kỳ thi phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi; tất cả các phiên họp liên quan đến kỳ thi, việc bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bài thi, điểm thi phải được ghi lại bằng biên bản;</p> <p>i) Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học, mô-đun phải được quy định trong chương trình môn học, mô-đun.</p> <p>3. Hiệu trưởng quy định cụ thể về tổ chức kiểm tra, kỳ thi kết thúc môn học, mô-đun.</p>
16	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.13. Điều kiện và số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun, học và thi lại</b> (Điều 13 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô-đun</p> <p>a) Người học được dự thi kết thúc môn học, mô-đun khi bảo đảm các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;</li> <li>- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;</li> <li>- Còn số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun theo quy định tại khoản 2 Điều này.</li> <li>- Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.</li> </ul> <p>2. Số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun</p> <p>a) Người học được dự thi kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất, nếu điểm môn học, mô-đun chưa đạt yêu cầu thì được dự thi thêm một lần nữa ở kỳ thi khác do trường tổ chức;</p> <p>b) Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được hiệu trưởng bố trí dự thi ở kỳ thi khác.</p> <p>3. Học và thi lại</p> <p>a) Người học phải học và thi lại môn học, mô-đun chưa đạt yêu cầu nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đủ điều kiện dự thi;</li> <li>- Đã hết số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun nhưng điểm môn học, mô-đun chưa đạt yêu cầu;</li> </ul> <p>b) Người học thuộc diện phải học và thi lại không được bảo lưu điểm, thời gian học tập của</p>

		<p>môn học, mô-đun lần học trước đó và phải bảo đảm các điều kiện dự thi được quy định tại khoản 1 Điều này mới được dự thi kết thúc môn học, mô-đun;</p> <p>c) Trường hợp không còn môn học, mô-đun do điều chỉnh chương trình thì hiệu trưởng quyết định chọn môn học, mô-đun khác thay thế trên cơ sở phù hợp với mục tiêu của ngành, nghề đào tạo.</p>
17	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.14. Ra đề thi, chấm thi kết thúc môn học, mô-đun</b> (Điều 14 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Nội dung đề thi</p> <p>a) Đề thi phải phù hợp với nội dung môn học, mô-đun đã được quy định trong chương trình;</p> <p>b) Bảo đảm phải có ngân hàng đề thi kết thúc môn học, mô-đun của tất cả các môn học, mô-đun trong chương trình của trường; đề thi phải được tổ chức bốc thăm ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi của trường và được hiệu trưởng duyệt trước khi thi;</p> <p>c) Đề thi đối với người có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật do hiệu trưởng quyết định.</p> <p>2. Chấm thi</p> <p>a) Mỗi bài thi kết thúc môn học, mô-đun phải do ít nhất 02 giáo viên chấm thi, cho điểm độc lập nhau và phải ký đầy đủ vào bài thi, phiếu chấm điểm, bảng điểm tổng hợp của người dự thi; trong đó, bài thi viết tự luận phải được làm phách trước khi chấm và việc chấm thi vấn đáp, thực hành phải thực hiện trên phiếu chấm thi do hiệu trưởng quy định;</p> <p>b) Điểm của bài thi là trung bình cộng điểm của các giáo viên chấm thi; trường hợp điểm của các giáo viên chấm thi đối với một bài thi có sự chênh lệch từ 1,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 thì phải tổ chức xem xét hoặc chấm thi lại, nếu chấm thi lại mà chưa thống nhất được điểm thì trưởng khoa hoặc trưởng bộ môn xem xét, giải quyết và là người quyết định cuối cùng về điểm bài thi; c) Bài thi được chấm thông qua máy, phần mềm chuyên dụng và việc chấm phúc khảo do hiệu trưởng quy định cụ thể và tổ chức thực hiện.</p> <p>3. Trường hợp người học không đủ điều kiện dự thi thì phải nhận điểm 0 cho lần thi đó.</p> <p>4. Công bố điểm thi</p> <p>a) Điểm thi, kiểm tra theo hình thức vấn đáp, thực hành, thực tập hoặc bảo vệ báo cáo thực tập phải được công bố cho người học biết ngay sau khi chấm;</p> <p>b) Đối với các hình thức thi, kiểm tra khác phải được công bố cho người học biết muộn nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi xong.</p>
18	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.15. Cách tính điểm môn học, mô-đun, điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy</b> (Điều 15 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p>

1. Điểm môn học, mô-đun
- a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;
- b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5,0 trở lên (trong đào tạo theo niên chế), 4,0 trở lên (trong đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ).
2. Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy
- a) Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy:
- Trong đó:
- + A: là điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy;
  - + i: là số thứ tự môn học, mô-đun;
  - + ai: là điểm của môn học, mô-đun thứ i;
  - + ni: là số tín chỉ của môn học, mô-đun thứ i;
  - + n: là tổng số môn học, mô-đun trong học kỳ/năm học/khóa học hoặc số môn học, mô-đun đã tích lũy.
- b) Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các môn học, mô-đun mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ;
- c) Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học, điểm trung bình chung tích lũy bao gồm cả điểm môn học, mô-đun được bảo lưu, không bao gồm điểm môn học, mô-đun được miễn trừ và môn học điều kiện;
- d) Trường hợp người học được tạm hoãn học môn học, mô-đun thì chưa tính khối lượng học tập của môn học, mô-đun đó trong thời gian được tạm hoãn.
3. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, điểm trung bình chung tích lũy để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc môn học, mô-đun có điểm cao nhất.
4. Môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh là 2 môn học điều kiện; kết quả đánh giá 2 môn học này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận

		tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.
19	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.16. Xử lý người học vi phạm về thi, kiểm tra</b> (Điều 16 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Người học thi hộ, nhờ người thi hộ sẽ bị đình chỉ học tập một năm đối với vi phạm lần thứ nhất và bị buộc thôi học đối với vi phạm lần thứ hai; trường hợp tổ chức thi, kiểm tra hộ sẽ bị buộc thôi học đối với vi phạm lần thứ nhất.</p> <p>2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, việc xử lý người học vi phạm trong khi dự kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun, thi tốt nghiệp được thực hiện như sau:</p> <p>a) Khiển trách và trừ 25% điểm bài kiểm tra hoặc bài thi: áp dụng đối với người học phạm lỗi một lần nhìn bài, thảo luận bài với người học khác trong giờ kiểm tra, thi;</p> <p>b) Cảnh cáo và trừ 50% điểm bài kiểm tra hoặc bài thi: áp dụng đối với người học vi phạm một trong các lỗi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã bị khiển trách một lần trong giờ kiểm tra, thi nhưng vẫn tiếp tục vi phạm quy định tại giờ kiểm tra, thi đó;</li> <li>- Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp cho người khác;</li> <li>- Chép bài kiểm tra, bài thi của người khác; những bài kiểm tra, bài thi đã có kết luận là giống nhau thì xử lý như nhau, nếu người học bị xử lý có đủ bằng chứng chứng minh mình bị sao chép trước khi nộp bài thì được hiệu trưởng xem xét giảm từ mức kỷ luật cảnh cáo xuống mức khiển trách, nếu bị sao chép sau khi nộp bài thì không bị xử lý.</li> </ul> <p>c) Đình chỉ làm bài và nhận điểm 0 cho bài kiểm tra, bài thi: áp dụng đối với người học vi phạm một trong các lỗi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ kiểm tra, thi vẫn tiếp tục vi phạm quy định trong giờ kiểm tra, thi đó;</li> <li>- Mang theo tài liệu hoặc các vật dụng không được phép đem vào phòng thi</li> <li>- Đưa đề kiểm tra, thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi;</li> <li>- Có hành động gây gổ, đe dọa người có trách nhiệm trong kỳ thi hay đe dọa người học khác;</li> <li>- Viết, vẽ bậy lên bài kiểm tra, bài thi;</li> <li>- Viết bài kiểm tra, bài thi trên giấy không đúng quy định của trường; - Dùng bài kiểm tra, bài thi của người khác để nộp;</li> <li>- Có các hành vi nhằm mục đích xin điểm, nâng điểm hoặc làm sai lệch kết quả kiểm tra, thi; Người học sau khi đã dự kiểm tra, thi nếu có kết luận vi phạm thì bị xử lý kỷ luật như trong khi làm bài kiểm tra, bài thi.</li> </ul>
20	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<b>Điều 20.1.TT.13.17. Cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, bảng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập, bằng tốt nghiệp</b>



		<p>(Điều 17 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, bằng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập</p> <p>a) Người học được công nhận tốt nghiệp được hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trước khi cấp bằng tốt nghiệp;</p> <p>b) Người học được công nhận tốt nghiệp được hiệu trưởng cấp bằng điểm theo từng môn học, mô-đun cho toàn khóa học. Trong đó ghi rõ ngành, nghề đào tạo, hình thức đào tạo; kết quả và lý do môn học, mô-đun được miễn trừ, bảo lưu điểm; điểm thi tốt nghiệp hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (trong đào tạo theo niên chế), điểm trung bình chung học tập toàn khóa học, xếp loại tốt nghiệp, khen thưởng và kỷ luật, lý do hạ mức xếp loại tốt nghiệp (nếu có);</p> <p>c) Bằng điểm được cấp sau khi người học có quyết định công nhận tốt nghiệp, muộn nhất trong ngày trao bằng tốt nghiệp;</p> <p>d) Người học chưa được công nhận tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập các môn học, mô-đun đã học trong chương trình của trường, trong đó phải ghi rõ hình thức đào tạo và lý do người học chưa được công nhận tốt nghiệp.</p> <p>2. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức trao bằng tốt nghiệp cho người học đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày người học kết thúc thi môn thi tốt nghiệp cuối cùng (đối với tổ chức đào tạo theo niên chế) hoặc kết thúc môn học, mô-đun cuối cùng trong chương trình (đối với tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ).</p>
21	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.18. Quản lý hồ sơ, tài liệu đào tạo</b></p> <p>(Điều 18 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>Hiệu trưởng chịu trách nhiệm lập hồ sơ và quản lý hồ sơ, tài liệu; bảo quản sử dụng, hủy hồ sơ, tài liệu liên quan đến đào tạo theo quy định hiện hành của pháp luật, trường hợp trường giải thể thì phải bàn giao hồ sơ đào tạo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Trong đó, một số hồ sơ, tài liệu và thời hạn lưu trữ bảo đảm yêu cầu dưới đây:</p> <p>1. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ vĩnh viễn</p> <p>a) Hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; văn bản của trường phê duyệt ban hành sửa đổi, bổ sung chương trình; hồ sơ biên soạn, lựa chọn, thẩm định ban hành giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy; văn bản quy định về quản lý đào tạo;</p> <p>b) Văn bản phê duyệt danh sách người học trúng tuyển, văn bản phê duyệt danh sách người học nhập học hoặc phân lớp;</p> <p>c) Bảng điểm tổng hợp kết quả học tập của người học theo học kỳ, năm học, khóa học;</p> <p>d) Hồ sơ công nhận kết quả tốt nghiệp cho người học các lớp, các khóa đào tạo: quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp; danh sách người học dự thi và kết quả từng môn thi,</p>

phiếu nộp bài thi có chữ ký của người học; biên bản họp của các hội đồng; quyết định của hiệu trưởng về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho người học;

đ) Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp;

e) Kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học, học kỳ; báo cáo tổng kết năm học, khóa học và bản lưu các báo cáo liên quan đến đào tạo gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

g) Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật người học;

h) Hồ sơ liên kết đào tạo trong nước và nước ngoài, đào tạo theo địa chỉ; i) Hồ sơ kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo của trường; hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc theo dõi và bảo đảm chất lượng đào tạo;

k) Hồ sơ, tài liệu hoạt động của hội đồng về đào tạo của trường.

2. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất 10 năm kể từ ngày hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho người học

a) Hồ sơ giảng dạy của giáo viên;

b) Các hồ sơ, tài liệu của trường liên quan đến tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun: kế hoạch thi và lịch thi, các biên bản họp về thi kết thúc môn học, mô-đun, danh sách người học dự thi và kết quả từng môn thi, phiếu nộp bài thi có chữ ký của người học và cán bộ coi thi, kết quả thi kết thúc môn học, mô-đun

c) Bảng điểm từng môn học, mô-đun của người học bao gồm điểm kiểm tra, điểm thi, điểm môn học, mô-đun có chữ ký của giáo viên giảng dạy và cán bộ quản lý;

d) Hồ sơ, công văn trao đổi về công tác đào tạo.

3. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất 05 năm kể từ ngày hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho người học:

a) Hồ sơ về công tác tổ chức chấm phúc khảo các bài thi kết thúc môn học, mô-đun, thi tốt nghiệp;

b) Sổ lên lớp/sổ đầu bài cho từng lớp học cụ thể.

4. Các loại hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất 01 năm kể từ ngày hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho người học:

a) Đề cương hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp; các biên bản về lựa chọn đề thi, bàn giao đề thi, bàn giao bài thi tốt nghiệp; đề thi đã sử dụng, bài thi, phiếu chấm thi tốt nghiệp (trong đào tạo theo niên chế);

b) Thời khóa biểu và văn bản phân công giáo viên giảng dạy môn học, mô-đun.

5. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất đến thời điểm khóa học kết thúc: đề cương hướng dẫn ôn thi kết thúc môn học, mô-đun các biên bản về bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bàn giao bài thi kết thúc, môn học, mô-đun; đề thi đã sử dụng, bài thi, phiếu chấm thi kết thúc môn học, mô-đun.

22	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.19. Tổ chức lớp học</b> (Điều 19 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô-đun dựa vào đăng ký khối lượng học tập của người học ở từng học kỳ; hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học tùy theo môn học, mô-đun được giảng dạy trong trường. Nếu số lượng người học đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và người học phải đăng ký chuyển sang học những môn học, mô-đun khác có lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.</p> <p>2. Chương trình thực hiện theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ tổ chức đào tạo theo học kỳ, một năm tổ chức 2-3 học kỳ, tùy điều kiện cụ thể của từng trường. Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học. Trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô-đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô-đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm, hoặc học vượt các môn học, mô-đun có ở các học kỳ sau nếu trong kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.</p>
23	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.20. Đăng ký khối lượng học tập</b> (Điều 20 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Đầu mỗi năm học, trường phải thông báo kế hoạch đào tạo dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ; chương trình môn học, mô-đun dự kiến sẽ dạy, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng môn học, mô-đun, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các môn học, mô-đun.</p> <p>2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, người học phải đăng ký học các môn học, mô-đun dự định sẽ học trong học kỳ đó với nhà trường. Có 3 hình thức đăng ký các môn học, mô-đun sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.</p> <p>a) Đăng ký sớm là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tháng;</p> <p>b) Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;</p> <p>c) Đăng ký muộn là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho người học muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang môn học, mô-đun khác khi không có lớp;</p> <p>d) Tùy điều kiện của từng trường, hiệu trưởng xem xét, quyết định các hình thức đăng ký thích hợp.</p> <p>3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi người học phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:</p>

		<p>a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những người học xếp loại kết quả học tập từ trung bình trở lên;</p> <p>b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những người học xếp loại kết quả học tập loại yếu.</p> <p>c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với người học ở học kỳ phụ. 4. Người học đang trong thời gian bị xếp loại học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những người học xếp loại kết quả học tập từ trung bình trở lên.</p> <p>5. Người học được quyền đăng ký học lại đối với các môn học, mô-đun bị điểm D theo quy định tại Điều 22 của Thông tư này để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.</p> <p>6. Trường chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của người học ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong sổ đăng ký học tập hoặc theo quy định của hiệu trưởng. Khối lượng đăng ký học tập của người học theo từng học kỳ phải được ghi vào phiếu đăng ký học do nhà trường lưu giữ.</p>
24	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.21. Rút bớt môn học, mô-đun đã đăng ký</b> (Điều 21 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Việc rút bớt môn học, mô-đun trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Tùy theo điều kiện cụ thể của trường, hiệu trưởng quy định thời hạn tối đa được rút bớt môn học, mô-đun trong khối lượng học tập đã đăng ký. Ngoài thời hạn quy định, môn học, mô-đun vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu người học không đi học môn học, mô-đun này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F theo quy định tại Điều 22 của Thông tư này.</p> <p>2. Điều kiện rút bớt các môn học, mô-đun đã đăng ký:</p> <p>a) Người học phải có đơn đề nghị gửi nhà trường;</p> <p>b) Không vi phạm khoản 3 Điều 20 của Thông tư này;</p> <p>c) Điều kiện rút bớt các môn học, mô-đun đã đăng ký theo quy định của hiệu trưởng;</p> <p>d) Người học chỉ được phép bỏ lớp đối với các môn học, mô-đun đã đăng ký xin rút bớt khi đã được nhà trường chấp thuận.</p>
25	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.22. Quy đổi điểm môn học, mô-đun và điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy</b> (Điều 22 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Quy đổi điểm môn học, mô-đun</p> <p>a) Điểm môn học, mô-đun được tính theo khoản 1 Điều 15 của Thông tư này theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân sẽ được chuyển thành điểm chữ như sau:</p>

- Loại đạt:

A 8,5 - 10 giỏi

B 7,0 - 8,4 khá

C 5,5 - 6,9 trung bình

D 4,0 - 5,4 trung bình yếu

- Loại không đạt:

F dưới 4,0 kém

b) Đối với những môn học, mô-đun chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau: I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá X: Chưa nhận được kết quả thi

c) Đối với những môn học, mô-đun được trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả;

d) Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- Đối với những môn học, mô-đun mà người học đã có đủ điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

- Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có đủ điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ mà trước đó người học được giáo viên cho phép nợ;

- Chuyển đổi từ các trường hợp X qua;

đ) Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở điểm d khoản này, còn áp dụng cho trường hợp người học vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F;

e) Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, người học bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được nhà trường cho phép;

- Người học không thể dự đủ kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ hoặc thi hết môn học, mô-đun vì những lý do khách quan, được nhà trường chấp thuận;

- Trừ các trường hợp đặc biệt do hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, người học nhận mức điểm I phải trả xong các điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra

		<p>định kỳ còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp người học chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không thuộc trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.</p> <p>g) Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những môn học, mô-đun mà phòng đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của người học từ khoa chuyên lên;</p> <p>h) Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:  - Điểm môn học, mô-đun được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số môn học, mô-đun được phép thi sớm để giúp người học học vượt;  - Những môn học, mô-đun được công nhận kết quả, khi người học chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.</p> <p>2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của môn học, mô-đun phải được quy đổi từ điểm chữ qua điểm số thang điểm 4 như sau:</p> <p>A      tương ứng với 4  B      tương ứng với 3  C      tương ứng với 2  D      tương ứng với 1  F      tương ứng với 0</p> <p>Trường hợp sử dụng thang điểm chữ có nhiều mức, hiệu trưởng quy định quy đổi các mức điểm chữ đó qua các điểm số thích hợp.</p> <p>3. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo khoản 2 Điều 15 của Thông tư này.</p>
26	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.23. Xếp hạng năm đào tạo và học lực</b>  <i>(Điều 23 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</i></p> <p>1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức, kỹ năng tích lũy người học được xếp hạng năm đào tạo: người học năm thứ nhất, người học năm thứ hai, người học năm thứ ba. Tùy thuộc khối lượng kiến thức, kỹ năng của từng chương trình, hiệu trưởng quy định cụ thể giới hạn khối lượng kiến thức, kỹ năng để chuyển xếp hạng năm đào tạo.</p> <p>2. Xếp loại kết quả học tập</p> <p>a) Xếp loại kết quả học tập của người học theo học kỳ được căn cứ vào điểm trung bình</p>

		<p>chung tích lũy trong học kỳ đó theo thang điểm 4, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại xuất sắc: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;</li> <li>- Loại giỏi: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;</li> <li>- Loại khá: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;</li> <li>- Loại trung bình: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49;</li> <li>- Loại yếu: điểm trung bình chung tích lũy thấp hơn 2,00.</li> </ul> <p>b) Người học có điểm đạt loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ được xếp loại kết quả học tập (không tính mức kỷ luật được quy định tại khoản 2 Điều 16 của Thông tư này);</li> <li>- Có một môn học hoặc một mô-đun trở lên trong học kỳ phải thi lại (không tính môn học điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ).</li> </ul> <p>3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp loại người học về học lực.</p>
27	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.24. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học, tự thôi học</b> (Điều 24 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho người học có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của người học được dựa trên các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với người học năm thứ nhất dưới 1,40 đối với người học năm thứ hai, dưới 1,60 đối với người học năm thứ ba;</li> <li>b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;</li> <li>c) Tổng số tín chỉ của các môn học, mô-đun bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ;</li> <li>d) Tùy theo đặc điểm của từng trường, hiệu trưởng quy định áp dụng một hoặc hai trong ba điều kiện nêu trên để cảnh báo kết quả học tập của người học và quy định số lần cảnh báo kết quả học tập, nhưng không vượt quá 2 lần.</li> </ul> <p>2. Sau mỗi học kỳ, người học bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định của hiệu trưởng;</li> <li>b) Đã hết quỹ thời gian tối đa để hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư này;</li> <li>c) Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học.</li> </ul> <p>3. Tự thôi học</p>

		<p>Người học không thuộc diện bị buộc thôi học, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định, nếu thuộc một trong các trường hợp sau được đề nghị trường cho thôi học:</p> <p>a) Người học tự xét thấy không còn khả năng hoàn thành chương trình do thời gian còn lại không đủ để hoàn thành chương trình theo quy định;</p> <p>b) Vì lý do khác phải thôi học kèm theo minh chứng cụ thể và được hiệu trưởng chấp thuận.</p> <p>4. Hiệu trưởng quy định cụ thể về thủ tục, quyền lợi, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của người học và quyết định việc buộc thôi học và tự thôi học của người học.</p>
28	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.25. Điều kiện tốt nghiệp</b> (Điều 25 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:</p> <p>a) Tích lũy đủ số mô-đun hoặc tín chỉ quy định cho chương trình;</p> <p>b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;</p> <p>c) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học, mô-đun thuộc ngành, nghề đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định;</p> <p>d) Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>đ) Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;</p> <p>e) Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.</p> <p>3. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.</p>
29	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.26. Xếp loại tốt nghiệp</b> (Điều 26 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Xếp loại tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4, như sau:</p> <p>a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;</p> <p>b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;</p> <p>c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;</p> <p>d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.</p> <p>2. Người học có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p>



		<p>a) Có một môn học hoặc một mô-đun trở lên trong khóa học phải thi lại (không tính môn học điều kiện; môn học, mô-đun được miễn trừ);</p> <p>b) Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên (không tính mức kỷ luật được quy định tại khoản 2 Điều 16 của Thông tư này) trong thời gian học tập tại trường.</p>
30	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.27. Tổ chức lớp học</b> (Điều 27 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Lớp học theo niên chế: người học theo học một chương trình đào tạo sau khi nhập học được trường xếp vào các lớp theo từng ngành, từng nghề. Lớp theo từng ngành, nghề được giữ ổn định từ đầu đến cuối khóa học nhằm duy trì các hoạt động học tập, sinh hoạt đoàn thể, các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa thể thao và để quản lý người học trong quá trình đào tạo.</p> <p>2. Chương trình thực hiện theo niên chế tổ chức đào tạo theo năm học, một năm học có 2 học kỳ, mỗi học kỳ có ít nhất 15 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun. Ngoài hai học kỳ chính, hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học phụ để người học có điều kiện được học lại, học bù. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 4 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun.</p>
31	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.28. Xếp loại kết quả học tập</b> (Điều 28 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Sau mỗi học kỳ hoặc năm học, người học được xếp loại về học lực như sau: a) Xếp loại kết quả học tập của người học theo học kỳ và năm học căn cứ vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học trong học kỳ, năm học theo thang điểm 10 của người học đó, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại xuất sắc: từ 9,0 đến 10 điểm;</li> <li>- Loại giỏi: từ 8,0 đến 8,9 điểm;</li> <li>- Loại khá: từ 7,0 đến 7,9 điểm;</li> <li>- Loại trung bình khá: từ 6,0 đến 6,9 điểm;</li> <li>- Loại trung bình: từ 5,0 đến 5,9 điểm;</li> <li>- Loại yếu: thấp hơn hoặc bằng 4,9 điểm.</li> </ul> <p>b) Người học có điểm đạt loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ hoặc năm học được xếp loại kết quả học tập;</li> <li>- Có một môn học hoặc một mô-đun trở lên trong học kỳ, năm học phải thi lại (không tính môn học điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ).</li> </ul> <p>2. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp loại người học về học lực.</p>

32	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.29. Điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học, tự thôi học</b>  <i>(Điều 29 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</i></p> <p>1. Người học chương trình có thời gian đào tạo từ 1,5 năm học trở lên, kết thúc mỗi năm học, nếu thuộc một trong các trường hợp sau thì buộc phải điều chỉnh tiến độ học và phải hoàn thành tất cả các môn học, mô-đun chưa đạt yêu cầu mới được hiệu trưởng xem xét, cho phép học tiếp các môn học, mô-đun mới:</p> <p>a) Có điểm trung bình chung năm học từ 4,0 đến dưới 5,0 điểm theo thang điểm 10;  b) Thuộc đối tượng được quy định tại điểm d khoản 2 Điều này. Thời gian điều chỉnh tiến độ học được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư này.</p> <p>2. Người học bị buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Kết thúc mỗi năm học có điểm trung bình chung năm học hoặc điểm trung bình chung tích lũy dưới 4,0 điểm;  b) Đã hết quỹ thời gian tối đa để hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư này hoặc đã hết số lần được dự thi tốt nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Thông tư này nhưng điểm thi tốt nghiệp hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp chưa đạt yêu cầu;  c) Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học;  d) Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật thuộc trường hợp quy định tại điểm a của khoản này thì không bị buộc thôi học nhưng buộc phải điều chỉnh tiến độ học.</p> <p>3. Tự thôi học  Người học không thuộc diện bị buộc thôi học, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định, nếu thuộc một trong các trường hợp sau được đề nghị trường cho thôi học:</p> <p>a) Người học tự xét thấy không còn khả năng hoàn thành chương trình do thời gian còn lại không đủ để hoàn thành chương trình theo quy định;  b) Vì lý do khác phải thôi học kèm theo minh chứng cụ thể và được hiệu trưởng chấp thuận.</p> <p>4. Hiệu trưởng quy định cụ thể về thủ tục, quyền lợi, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của người học và quyết định việc điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học và tự thôi học của người học.  <i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.13.31. Điều kiện dự thi và số lần dự thi tốt nghiệp)</i></p>
33	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.30. Kế hoạch và tổ chức các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp</b>  <i>(Điều 30 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</i></p> <p>1. Kế hoạch thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp phải được xây dựng và công bố</p>

công khai trước kỳ thi tốt nghiệp ít nhất là 05 tuần.

## 2. Nội dung và thời gian thi tốt nghiệp

### a) Thi môn Chính trị

Thi môn Chính trị được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian 90 phút ở trình độ trung cấp, 120 phút ở trình độ cao đẳng hoặc thi trắc nghiệm với thời gian từ 45 phút đến 60 phút.

### b) Thi môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp

Thi môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp được tổ chức theo hình thức thi viết hoặc trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 thí sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời.

### c) Thi môn Thực hành nghề nghiệp

Thi môn Thực hành nghề nghiệp được tổ chức theo hình thức làm bài thực hành kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một phần của sản phẩm hoặc một sản phẩm dịch vụ, công việc. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 1 đến 3 ngày và không quá 8 giờ/ngày; thời gian thi cụ thể đối với từng ngành, nghề do hiệu trưởng quy định.

## 3. Hội đồng thi tốt nghiệp

a) Thành lập hội đồng thi tốt nghiệp Hội đồng thi tốt nghiệp do hiệu trưởng ra quyết định thành lập, bao gồm:

- Chủ tịch hội đồng là hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo;
- Phó chủ tịch hội đồng là phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo hoặc trưởng phòng đào tạo hoặc trưởng bộ phận khảo thí và bảo đảm chất lượng;
- Thư ký hội đồng là trưởng phòng đào tạo/trưởng bộ phận khảo thí và bảo đảm chất lượng hoặc phó trưởng phòng đào tạo/phó trưởng bộ phận khảo thí và bảo đảm chất lượng;
- Các ủy viên: gồm một số cán bộ, giáo viên của trường (có thể mời thêm đại diện doanh nghiệp);
- Những người có người học dự thi tốt nghiệp là người thân (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) thì không được tham gia hội đồng và không được thực hiện nhiệm vụ trong các ban hoặc tiểu ban ra đề thi, coi thi, chấm thi liên quan đến người học đó;
- Số lượng các thành viên trong hội đồng ít nhất là 05 người.

### b) Nhiệm vụ, quyền hạn

- Chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp chịu trách nhiệm quy định cụ thể và chỉ đạo toàn bộ các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;
- Chủ tịch hội đồng ra quyết định thành lập các ban giúp việc hội đồng, bao gồm: ban thư ký, ban đề thi, ban coi thi, ban chấm thi, ban chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; ngoài ra, chủ tịch hội đồng có thể ra quyết định thành lập các ban giúp việc khác;
- Thành phần của một ban giúp việc gồm có trưởng ban và ủy viên, trong đó trưởng ban do

một thành viên trong hội đồng kiêm nhiệm, các ủy viên khác không bắt buộc phải là thành viên hội đồng;

- Mỗi ban giúp việc có thể được tổ chức thành các tiểu ban, thành phần của mỗi tiểu ban gồm có trưởng tiểu ban và ủy viên;
- Các thành viên của ban đề thi, ban chấm thi, ban chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp là giáo viên đủ tiêu chuẩn về giáo viên, giảng viên trong giáo dục nghề nghiệp hoặc các chuyên gia của các doanh nghiệp đã tốt nghiệp đại học về ngành, nghề đào tạo phù hợp với nội dung thi, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;
- Tổ chức xét và trình hiệu trưởng xem xét, quyết định danh sách người học đủ điều kiện, không đủ điều kiện dự thi, dự bảo vệ chuyên đề khóa luận tốt nghiệp;
- Tổ chức, điều hành toàn bộ hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp theo Thông tư này và các quy định hiện hành khác của pháp luật; được sử dụng con dấu của trường để thực hiện nhiệm vụ;
- Xây dựng, trình hiệu trưởng quyết định và công bố nội quy thi, quy trình chấm thi, chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, chấm phúc khảo và xử lý điểm sau phúc khảo; xây dựng đề cương ôn tập thi tốt nghiệp, đề thi và các tài liệu khác liên quan đến kỳ thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp trình hiệu trưởng phê duyệt;
- Bảo mật đề thi theo quy định của pháp luật;
- Tổ chức công tác coi thi, kiểm tra giám sát thi, chấm thi, chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, chấm phúc khảo; xử lý hoặc đề xuất với hiệu trưởng xử lý các trường hợp vi phạm nội quy thi, giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến kỳ thi;
- Xét điều kiện tốt nghiệp cho người học theo quy định tại Điều 33 của Thông tư này;
- Trình hiệu trưởng xem xét, quyết định danh sách người học đủ điều kiện, không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp;
- Báo cáo các vấn đề liên quan đến kỳ thi theo quy định của hiệu trưởng và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác liên quan đến việc tổ chức kỳ thi theo quy định của pháp luật.

4. Ra đề thi, coi thi, chấm thi

- a) Đề thi phải phù hợp với đề cương ôn thi, mỗi môn thi phải có một bộ đề thi chính và ít nhất một bộ đề thi dự bị tương đương về nội dung kiến thức và có cùng thời gian làm bài thi đối với môn thi Chính trị và môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp;
- b) Điểm đáp án của đề thi theo hình thức thi viết, thực hành được chia nhỏ theo ý không quá 0,25 điểm theo thang điểm 10; trong đó, nếu điểm toàn bài thi có điểm lẻ là 0,25 thì quy tròn thành 0,5; có điểm lẻ là 0,75 thì quy tròn thành 1,0; c) Việc coi thi, chấm thi, chấm phúc khảo, công bố điểm thi cơ bản được thực hiện như kỳ thi kết thúc môn học, mô-đun; trong đó, chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp là người quyết định cuối cùng điểm thi.

5. Chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp

- a) Ban chấm một chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (sau đây gọi là ban chấm) có từ 3 đến 5

		<p>thành viên gồm: trưởng ban, thư ký và các ủy viên. Giáo viên hướng dẫn có thể tham gia hoặc không tham gia; nếu không tham gia ban chấm thì cho điểm đánh giá chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp vào một phiếu kín và gửi cho ban chấm; nếu tham gia ban chấm thì cho điểm vào 2 phiếu kín (1 phiếu với tư cách người hướng dẫn, 1 phiếu với tư cách thành viên ban chấm);</p> <p>b) Ban chấm chỉ họp khi có mặt từ 3 thành viên trở lên; trưởng ban và thư ký không được vắng mặt.</p> <p>c) Ban chấm cho điểm bằng hình thức bỏ phiếu kín; điểm trung bình cộng của các thành viên là điểm chính thức của chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (điểm lẻ lấy 1 chữ số của phần thập phân, nếu chữ số thứ 2 của phần thập phân từ 6 trở lên thì làm tròn để tăng thêm 1 cho chữ số thứ nhất);</p> <p>d) Biên bản chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp ghi theo mẫu và lưu theo quy định của hiệu trưởng;</p> <p>đ) Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp sau khi bảo vệ được chỉnh sửa theo ý kiến của ban chấm được lưu 1 bản tại khoa chuyên môn và gửi về thư viện trường 1 bản.</p>
34	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.31. Điều kiện dự thi và số lần dự thi tốt nghiệp</b> (Điều 31 Thông tư số 09/2017/TT-BLDTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Điều kiện dự thi tốt nghiệp</p> <p>Người học được dự thi tốt nghiệp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Điểm tổng kết các môn học, mô-đun trong chương trình đạt yêu cầu trở lên; b) Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Còn số lần và trong quỹ thời gian được dự thi tốt nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>d) Người học không đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu vẫn còn quỹ thời gian để hoàn thành các môn học, mô-đun trong chương trình theo quy định thì được hiệu trưởng xem xét, cho phép người học đó được hoàn thành các môn học, mô-đun chưa đạt yêu cầu và tổ chức xét điều kiện dự thi tốt nghiệp;</p> <p>đ) Người học không đủ điều kiện dự thi do bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét điều kiện dự thi tốt nghiệp;</p> <p>e) Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện dự thi tốt nghiệp cho người học đó.</p>

		<p>2. Số lần dự thi tốt nghiệp</p> <p>a) Người học dự thi có môn thi tốt nghiệp có điểm đạt từ 5,0 điểm trở lên thì không được dự thi lại môn thi tốt nghiệp đó, nếu dưới 5,0 điểm thì được dự thi lại môn thi đó không quá 03 lần trong thời gian tối đa hoàn thành chương trình theo quy định;</p> <p>b) Thi lại lần thứ nhất cho người học có môn thi chưa đạt yêu cầu trong thời gian tối thiểu 30 ngày làm việc kể từ ngày trường công bố kết quả thi tốt nghiệp; thời gian thi lại lần thứ 2 và lần thứ 3 do hiệu trưởng quy định;</p> <p>c) Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định, nếu có môn thi tốt nghiệp có điểm dưới 5,0 thì được hiệu trưởng xem xét ưu tiên số lần dự thi lại môn thi tốt nghiệp đó trong quỹ thời gian tối đa hoàn thành chương trình theo quy định; d) Người học vắng mặt ở môn thi nào nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 và vẫn tính số lần dự thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì được hiệu trưởng bố trí dự thi môn thi đó ở kỳ thi tốt nghiệp khác và chưa tính số lần dự thi, đồng thời phải bảo đảm trong quỹ thời gian tối đa cho phép để hoàn thành chương trình.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.TT.13.29. Điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học, tự thôi học)</i></p>
35	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.32. Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp</b>  <i>(Điều 32 Thông tư số 09/2017/TT-BLDTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</i></p> <p>1. Khối lượng của chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp không quá 5 tín chỉ và được quy định trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.</p> <p>2. Hiệu trưởng trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký đào tạo trình độ cao đẳng căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên, năng lực của đội ngũ giáo viên để quyết định những sinh viên được làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp. 3. Phân công hướng dẫn và duyệt chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp</p> <p>a) Hiệu trưởng quyết định phân công giáo viên hướng dẫn sinh viên làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp theo đề nghị của trưởng khoa chuyên môn;</p> <p>b) Tiêu chuẩn giáo viên hướng dẫn chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp với chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; có khả năng nghiên cứu khoa học; có trách nhiệm đối với việc hướng dẫn sinh viên;</p> <p>c) Số lượng chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp giao cho giáo viên hướng dẫn được giới hạn ở mức cao nhất của một khóa học như sau: kỹ sư, cử nhân: 3 chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; thạc sĩ: 4 chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; tiến sĩ: 5 chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;</p> <p>d) Giáo viên hướng dẫn cùng với sinh viên xác định chuyên đề, khóa luận và gửi cho nhà trường; việc duyệt chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên do hiệu trưởng quy định.</p> <p>4. Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đủ tiêu chuẩn được bảo vệ</p>

		<p>a) Hình thức: do hiệu trưởng nhà trường quy định;</p> <p>b) Nội dung: được giáo viên hướng dẫn xác nhận bằng văn bản bảo đảm nội dung đạt yêu cầu và đề nghị cho bảo vệ; nếu nội dung không đạt yêu cầu, cần đề nghị gia hạn cho sinh viên hoặc cho sinh viên chuyển sang dự thi tốt nghiệp (nếu kịp thời gian ôn tập và thi);</p> <p>c) Văn bản đề nghị cho sinh viên bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của giáo viên hướng dẫn và toàn văn chuyên đề, khóa luận nộp về khoa chuyên môn trước khi bảo vệ 15 ngày; chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp được giao cho ban chấm trước khi bảo vệ ít nhất 10 ngày.</p> <p>5. Kết quả chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp phải được công bố ngay sau buổi bảo vệ.</p> <p>6. Hiệu trưởng quy định việc bảo vệ lại hoặc cho sinh viên chuyển sang thi tốt nghiệp đối với các trường hợp sinh viên bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp không đạt yêu cầu.</p> <p>7. Đối với một số ngành, nghề đào tạo đặc thù thuộc các lĩnh vực Nghệ thuật, Kiến trúc, Y tế, Thể dục - Thể thao, hiệu trưởng quy định nội dung, hình thức thực tập cuối khóa; điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp phù hợp với đặc điểm các chương trình của trường.</p>
36	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.33. Điều kiện tốt nghiệp</b> (Điều 33 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</p> <p>1. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:</p> <p>a) Điểm của mỗi môn thi tốt nghiệp phải đạt từ 5,0 trở lên hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp có điểm đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;</p> <p>b) Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Hoàn thành các điều kiện khác theo quy định của trường;</p> <p>d) Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.</p> <p>2. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.</p> <p>3. Chậm nhất sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thi tốt nghiệp hoặc kết thúc ngày bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, hội đồng xét tốt nghiệp tổ chức xét tốt nghiệp cho người học. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày xét tốt nghiệp cho người học, hội đồng xét tốt nghiệp phải trình hiệu trưởng danh sách người học có đủ điều kiện, không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp. 4. Trên cơ sở đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp, chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày đề nghị, hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp cho người học đủ điều kiện tốt nghiệp.</p>

37	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.34. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp</b>  <i>(Điều 34 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</i></p> <p>1. Đối với người học dự thi tốt nghiệp điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp được tính theo công thức sau:  <math>ĐTN = 3.ĐTB + 2.ĐTNTH + ĐTNLT6</math>  Trong đó:  + ĐTN: điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp  + ĐTB: điểm trung bình chung toàn khóa học  + ĐTNTH: điểm thi môn Thực hành nghề nghiệp  + ĐTNLT: điểm thi môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp</p> <p>2. Đối với sinh viên bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp được tính theo công thức sau:  <math>ĐTN = 3.ĐTB + 2.ĐCĐ5</math>  Trong đó:  ĐCĐ: điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.</p> <p>3. Xếp loại tốt nghiệp của người học được căn cứ vào điểm xếp loại tốt nghiệp và tính theo thang điểm 10 như sau:  a) Loại xuất sắc: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 9,0 đến 10;  b) Loại giỏi: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 8,0 đến 8,9;  c) Loại khá: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 7,0 đến 7,9;  d) Loại trung bình khá: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 6,0 đến 6,9;  e) Loại trung bình: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 5,0 đến 5,9.</p> <p>4. Người học có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên không có môn thi tốt nghiệp nào phải thi lại hoặc không phải bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau:  a) Có một môn học hoặc một mô-đun trở lên trong khóa học phải thi lại, học lại (không tính môn học điều kiện; môn học, mô-đun được miễn trừ);  b) Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên (không tính mức kỷ luật được quy định tại khoản 2 Điều 16 của Thông tư này) trong thời gian học tập tại trường.</p> <p>5. Người học phải thi lại tốt nghiệp hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp thì xếp loại tốt nghiệp như sau:  a) Có 01 môn thi tốt nghiệp phải thi lại một lần thì xếp loại tốt nghiệp cao nhất là loại khá;  b) Có 02 môn thi tốt nghiệp phải thi lại một lần hoặc có một môn thi tốt nghiệp phải thi lại hai lần hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp thì xếp loại tốt nghiệp cao nhất là trung bình khá;  c) Người học phải thi lại tốt nghiệp hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp không</p>
----	---	---



		thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b của khoản này thì xếp loại tốt nghiệp loại trung bình.
38	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.13.36. Chế độ báo cáo</b>  <i>(Điều 36 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</i></p> <p>1. Hiệu trưởng báo cáo bằng văn bản tình hình đào tạo của trường theo năm thực hiện tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm về cơ quan trực tiếp quản lý trường, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương nơi đặt trụ sở của trường trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo. Báo cáo bao gồm ít nhất các nội dung sau:</p> <p>a) Số lượng cán bộ quản lý và giáo viên theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; diện tích đất đai, cơ sở vật chất;</p> <p>b) Chỉ tiêu tuyển sinh đã đăng ký, số lượng người học trúng tuyển và nhập học; số lượng người học được công nhận tốt nghiệp, không được công nhận tốt nghiệp trong năm theo ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo, theo phương thức đào tạo hình thức đào tạo, liên kết đào tạo, đào tạo theo địa chỉ, địa điểm đào tạo;</p> <p>c) Tình hình cấp phát bằng tốt nghiệp: số lượng phôi bằng tốt nghiệp đã sử dụng để cấp cho người học trong năm theo hình thức đào tạo và ngành, nghề đào tạo; số lượng phôi bằng tốt nghiệp phải hủy do ghi sai nội dung; số lượng phôi bằng tốt nghiệp bị hư hỏng, bị mất trong quá trình bảo quản, lưu trữ;</p> <p>d) Tình hình khen thưởng và kỷ luật hoặc xử lý sai phạm đối với trường, cán bộ, giáo viên và người học trong trường (nếu có);</p> <p>đ) Những thuận lợi, khó khăn, hạn chế và đề xuất;</p> <p>e) Kèm theo báo cáo bao gồm: bản sao quyết định phê duyệt kèm danh sách người học nhập học hoặc phân lớp và bản sao quyết định kèm theo danh sách, điểm tổng hợp kết quả học tập của người học được công nhận, không công nhận tốt nghiệp trong năm báo cáo; Báo cáo phải được đóng thành quyển và đóng dấu giáp lai của trường.</p> <p>2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo bằng văn bản tổng hợp tình hình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng của các trường trên địa bàn theo năm thực hiện tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 25 tháng 01 của năm tiếp theo. 3. Ngoài chế độ báo cáo được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, hiệu trưởng, giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về các hoạt động đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.</p>

39	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.23.4. Hình thức liên kết đào tạo</b>  <i>(Điều 4 Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/01/2018)</i></p> <p>Liên kết đào tạo được tổ chức theo 2 hình thức sau: 1. Liên kết phối hợp đào tạo là việc đơn vị phối hợp liên kết đào tạo trực tiếp tham gia giảng dạy chương trình đào tạo, phối hợp quản lý quá trình đào tạo và đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện liên kết đào tạo. Nhà nước khuyến khích cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp liên kết để tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; trong đó doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp hợp tác trong xác định chuẩn đầu ra, xây dựng chương trình, phát triển đội ngũ giảng viên doanh nghiệp, tổ chức tuyển sinh/tuyển dụng, tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp, ký kết hợp đồng đào tạo với người học...; Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hợp tác để tổ chức và công nhận kết quả đào tạo một số modun, môn học lý thuyết và thực hành (bao gồm cả đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn). 2. Liên kết đặt lớp đào tạo là việc đơn vị phối hợp liên kết đào tạo không tham gia giảng dạy, chỉ phối hợp quản lý và đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện liên kết đào tạo.</p>
40	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.23.5. Tổ chức liên kết đào tạo</b>  <i>(Điều 5 Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/01/2018)</i></p> <p>1. Yêu cầu chung a) Ngành, nghề đào tạo dự kiến liên kết phải phù hợp với nhu cầu nhân lực của địa phương, của doanh nghiệp; b) Đảm bảo các yêu cầu về chất lượng đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, chương trình, giáo trình phù hợp với mục tiêu của khóa học theo quy định của các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp; c) Việc quản lý người học trong quá trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng.</p> <p>2. Đối với đơn vị chủ trì liên kết đào tạo</p> <p>a) Đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với ngành, nghề dự định liên kết đào tạo;</p> <p>b) Chỉ tiêu tuyển sinh liên kết đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu đơn vị chưa thực hiện đủ quy mô tuyển sinh đã được cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, thì chỉ tiêu tuyển sinh liên kết là phần còn lại của quy mô tuyển sinh được cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp;</li> <li>- Nếu đơn vị đã thực hiện đủ quy mô tuyển sinh, thì đơn vị phải đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trong trường hợp tăng quy mô tuyển sinh của từng ngành, từng nghề đào tạo vượt 10% trở lên so với quy mô tuyển sinh được cấp hoặc trường hợp liên kết với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để tổ chức hoạt động đào tạo ngoài trụ sở chính hoặc phân hiệu theo quy định tại khoản 1, khoản 7, Điều 18, Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày</li> </ul>

		<p>14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>c) Đối với hình thức liên kết phối hợp đào tạo, đơn vị chủ trì liên kết đào tạo phải có đội ngũ giảng viên, giáo viên cơ hữu giảng dạy tối thiểu 60% khối lượng của chương trình đào tạo;</p> <p>d) Đối với hình thức liên kết đặt lớp đào tạo, đơn vị chủ trì liên kết đào tạo phải có đội ngũ giảng viên, giáo viên cơ hữu giảng dạy 100% khối lượng của chương trình đào tạo.</p> <p>3. Đối với đơn vị phối hợp liên kết đào tạo a) Xác định được nhu cầu đào tạo về: ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh; b) Địa điểm đào tạo phải đảm bảo yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để phục vụ đào tạo, đảm bảo các điều kiện về vệ sinh và an toàn lao động; có đội ngũ cán bộ quản lý phù hợp với mục tiêu đào tạo của khóa học; c) Đối với liên kết đào tạo khối ngành sức khỏe, địa điểm đào tạo phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện để tổ chức đào tạo theo quy định của Bộ Y tế.</p> <p>d) Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo chỉ được tham gia giảng dạy tối đa 40% khối lượng của chương trình đào tạo nếu đơn vị chủ trì liên kết đào tạo có yêu cầu, đồng thời phải bố trí cho giảng viên, giáo viên tham gia giảng dạy sinh hoạt chuyên môn với đơn vị chủ trì liên kết đào tạo.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 20.1.NĐ.2.18. Các trường hợp đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Điều 20.1.TT.18.1.)</i></p>
41	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.23.6. Quyền của các bên tham gia liên kết đào tạo</b>  <i>(Điều 6 Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/01/2018)</i></p> <p>1. Thống nhất mức thu lệ phí tuyển sinh, học phí, thù lao cho người học trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp theo quy định.</p> <p>2. Thỏa thuận, ký kết hợp đồng thực hiện liên kết đào tạo.</p> <p><i>(Điều này có nội dung liên quan đến Điều 1. Phạm vi điều chỉnh của Thông tư 05/2017/TT-BLĐTBXH Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng; Điều 20.1.TT.1.1. Phạm vi điều chỉnh; Điều 20.1.TT.13.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Điều 20.1.TT.14.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng)</i></p>
42	Điều 20.1.LQ.37. Tổ chức và quản lý đào tạo	<p><b>Điều 20.1.TT.23.7. Nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết đào tạo</b>  <i>(Điều 7 Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/01/2018)</i></p> <p>1. Đơn vị chủ trì liên kết đào tạo</p> <p>a) Về tổ chức tuyển sinh: Thực hiện tuyển sinh theo quy định tại Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao</p>

		<p>đăng.</p> <p>b) Về tổ chức đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thực hiện đúng nội dung và thời gian quy định của chương trình đào tạo; lập kế hoạch thực hiện, phân công giảng dạy, đánh giá, công nhận kết quả học tập và rèn luyện; cấp phát văn bằng theo quy định tại Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng;</li> <li>- Liên kết đào tạo hình thức chính quy được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp.</li> <li>- Liên kết đào tạo hình thức vừa làm vừa học được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</li> </ul> <p>c) Người đứng đầu đơn vị chủ trì liên kết đào tạo ban hành quyết định tuyển sinh liên kết đào tạo khi đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này. Quyết định tuyển sinh liên kết đào tạo phải nêu rõ tên ngành, nghề, trình độ và hình thức đào tạo, đối tượng và hình thức tuyển sinh.</p> <p>2. Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo chịu trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Phối hợp với đơn vị chủ trì đào tạo theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đào tạo;</li> <li>b) Phối hợp theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, việc tổ chức dạy, học và phản ánh kịp thời với đơn vị chủ trì đào tạo những biểu hiện sai phạm để kịp thời chấn chỉnh.</li> </ul>
43	Điều 20.1.NĐ.5.3. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp	<p><b>Điều 20.1.TT.13.35. Trách nhiệm của các trường</b>  <i>(Điều 35 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017)</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các trường tự chủ, tự chịu trách nhiệm lựa chọn, lập kế hoạch triển khai đào tạo theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ phù hợp với điều kiện cụ thể của trường mình nhưng phải đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng theo quy định đối với từng chương trình.</li> <li>2. Trên cơ sở Thông tư này, căn cứ vào điều kiện thực tế, các trường xây dựng quy chế đào tạo của trường mình về đào tạo theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.</li> <li>3. Trước khi bắt đầu khóa học, các trường phải thông báo công khai: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Cam kết chất lượng đào tạo; mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng ngành, nghề đào tạo; điều kiện bảo đảm chất lượng; thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đối với từng ngành,</li> </ul> </li> </ol>

		<p>nghề cụ thể; quy chế đào tạo; kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học; thời gian dự kiến thi tốt nghiệp; quyền và nghĩa vụ của giáo viên, người học và tổ chức, cá nhân có liên quan;</p> <p>b) Các nội dung phải thông báo công khai chậm nhất một tháng trước khi bắt đầu các học kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch đào tạo đối với học kỳ; danh sách, chương trình các môn học, mô-đun dự kiến sẽ thực hiện; điều kiện tiên quyết, số bài kiểm tra, hình thức thi, nội quy thi, thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun; giáo trình hoặc tài liệu được sử dụng cho từng môn học, mô-đun cụ thể;</li> <li>- Thông tin về từng giáo viên giảng dạy trong học kỳ đó, bảo đảm ít nhất các nội dung sau: họ và tên, năm sinh, thâm niên giảng dạy, chức vụ hoặc chức danh; cơ quan, tổ chức nơi đang làm việc chính, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, kinh nghiệm giảng dạy, giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy đã biên soạn hoặc tham gia biên soạn đã được công bố.</li> </ul> <p>c) Ngoài công khai về đào tạo được quy định tại điểm a và b của khoản này, trường phải thực hiện công khai các vấn đề liên quan đến đào tạo của trường đúng quy định hiện hành về thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;</p> <p>d) Các nội dung cần công khai khác do hiệu trưởng quyết định.</p> <p>4. Các trường được phép đánh giá và công nhận về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của môn học, mô-đun làm cơ sở cho việc công nhận kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học sử dụng trong trường hợp chuyển trường, học liên thông hoặc học tiếp lên trình độ cao hơn giữa các cơ sở đào tạo.</p>
44	Điều 20.1.NĐ.5.3. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp	<p><b>Điều 20.1.TT.23.10. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên kết đào tạo</b></p> <p><i>(Điều 10 Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/01/2018)</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ban hành quy định về liên kết đào tạo của đơn vị, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên kết đào tạo.</li> <li>2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng liên kết đào tạo, các trường cao đẳng và các cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng tham gia liên kết đào tạo báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp); các trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia liên kết đào tạo báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương nơi đặt trụ sở chính. Nội dung báo cáo theo mẫu tại Phụ lục 02 kèm theo Thông tư này.</li> <li>3. Hằng năm, báo cáo bằng văn bản tình hình liên kết đào tạo của đơn vị tính đến ngày 31 tháng 12 về cơ quan chủ quản, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố nơi đơn vị đặt trụ sở chính trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo. Nội dung báo cáo theo</li> </ol>

		mẫu tại Phụ lục 03 kèm theo Thông tư này. 4. Lưu trữ hồ sơ liên kết đào tạo theo các quy định hiện hành về chế độ lưu trữ.
45	Điều 20.1.NĐ.5.5. Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	<b>Điều 20.1.TT.23.8. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội</b> (Điều 8 Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/01/2018) 1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đối với hoạt động liên kết đào tạo tại các trường thuộc phạm vi quản lý. 2. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện Thông tư này.
46	Điều 20.1.NĐ.5.6. Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	<b>Điều 20.1.TT.23.9. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</b> (Điều 9 Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/01/2018) 1. Hướng dẫn việc thực hiện tổ chức liên kết đào tạo đối với các trường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Thông tư này. 2. Hàng năm, tổng hợp tình hình liên kết đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tính đến ngày 31 tháng 12 và báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) trước ngày 25 tháng 01 của năm tiếp theo theo mẫu tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này để tổng hợp, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. 3. Báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về hoạt động liên kết đào tạo và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.
47	Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	<b>Điều 20.1.TT.13.37. Hiệu lực thi hành</b> (Điều 37 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017) 1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2017. 2. Đối với các khóa tuyển sinh trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực, các trường thực hiện việc tổ chức đào tạo theo các quy định hiện hành tại thời điểm bắt đầu khóa học cho đến khi kết thúc khóa học.
48	Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	<b>Điều 20.1.TT.13.38. Trách nhiệm thi hành</b> (Điều 38 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2017) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổ chức Chính trị - Xã hội và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các trường trung cấp, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký đào tạo trình độ cao đẳng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

49	Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	<b>Điều 20.1.TT.23.11. Hiệu lực thi hành</b> <i>(Điều 11 Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTĐBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/01/2018)</i> 1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2018. 2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổ chức Chính trị - Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố, các đơn vị và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
----	---------------------------------	---

**XÁC THỰC KẾT QUẢ PHÁP ĐIỂN**  
**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Lê Tấn Dũng**